

TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC
TRUNG HỌC CƠ SỞ - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI VÀ TÂM LÝ HỌC SỰ PHẠM 3

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm

41.2. Mối quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm 5

CHƯƠNG 2 LÝ LUẬN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM 52.1. Quan niệm

về trẻ em 52.2. Sự phát triển tâm lý trẻ em 62.2.1. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em 62.2.2. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em 8

2.2.3. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi 92.2.4. Dạy học và sự phát triển tâm lý

102.2.5. Dạy học phát triển và sự phát triển tâm lý 11

CHƯƠNG 3 TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ 12

3.1. Giới hạn và vị trí của tuổi thiếu niên trong sự phát triển cá nhân 123.1.1. Giới hạn tuổi thiếu niên 123.1.2. Vị trí của tuổi thiếu niên trong cuộc đời mỗi cá nhân 123.2. Sự phát triển thể chất 133.2.1. Sự phát triển cơ thể 133.2.2. Đặc điểm hoạt động của não và thần kinh cấp cao của thiếu niên 153.2.3. Sự phát triển của tuyến sinh dục (hiện tượng dậy thì) 15

3.2.4. Ảnh hưởng của cải tổ về giải phẫu sinh lý và sự phát dục đến sự phát triển tâm lý của thiếu niên. 16

3.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển tâm lý thiếu niên 163.3.1. Đời sống của thiếu

niên trong gia đình 163.3.2. Vị thế của thiếu niên ngoài xã hội 163.4. Hoạt động và

giao tiếp của thiếu niên 173.4.1. Hoạt động học tập của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ 17

3.4.2. Hoạt động văn nghệ - thể thao 183.4.3. Giao tiếp của thiếu niên 193.5. Sự

phát triển nhận thức của tuổi thiếu niên 243.5.1. Sự phát triển cấu trúc nhận thức 243.5.2. Sự phát triển các hành động nhận thức 243.6. Sự phát triển nhân cách của

thiếu niên 263.6.1. Đời sống tình cảm của thiếu niên 263.6.2. Sự phát triển mạnh

mẽ của tự ý thức 273.6.3. Sự phát triển hứng thú của thiếu niên 303.6.4. Sự hình

thành đạo đức của thiếu niên 303.6.5. Vấn đề giáo dục thiếu niên trong xã hội hiện

đại 31

CHƯƠNG 4. TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

33

4.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý học sinh Trung học phổ thông 33

4.1.1. Đặc điểm phát triển cơ thể 33 4.1.2. Điều kiện xã hội của sự phát triển 33 4.2.

Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của HS TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 34 4.2.1.

Đặc điểm của hoạt động học tập (HĐHT) 34 4.2.2. Đặc điểm về sự phát triển trí tuệ 34

4.2.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu 36 4.2.4. Hoạt động lao động và sự lựa chọn

nghề 40 4.2.5. Một số vấn đề giáo dục HS TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 40

2

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI VÀ TÂM LÝ HỌC SỰ PHẠM

1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm là các chuyên ngành của tâm lý học, là sự ứng dụng của tâm lý học vào lĩnh vực sự phạm, lứa tuổi. Các chuyên ngành này cũng nghiên cứu tâm lý người, nhưng không phải là con người đã trưởng thành mà là con người ở các giai đoạn phát triển. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sự phạm quan hệ chặt chẽ với nhau trong hoạt động sự phạm.

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học lứa tuổi.

Tâm lý học lứa tuổi là một ngành tâm lý học nghiên cứu những đặc điểm tâm lý, các quy luật, các điều kiện, động lực phát triển tâm lý theo lứa tuổi của con người, những biến đổi của các quá trình tâm lý, các phẩm chất tâm lý trong sự hình thành, phát triển nhân cách của con người đang phát triển.

Tâm lý học lứa tuổi không chỉ nghiên cứu đặc điểm tâm lý của cá nhân ở các lứa tuổi khác nhau và sự khác biệt giữa chúng ở mỗi cá nhân trong phạm vi cùng một lứa tuổi, mà còn nghiên cứu những khả năng lứa tuổi của việc lĩnh hội tri thức, phương thức hành động, các dạng hoạt động khác nhau của các cá nhân đang phát triển, vai trò của từng dạng hoạt động đối với sự phát triển nhân cách ở từng lứa tuổi.

Tâm lý học lứa tuổi bao gồm nhiều phân ngành nghiên cứu cụ thể như : tâm lý học về đời sống thai nhi trong bụng mẹ, tâm lý học tuổi hài nhi, tâm lý học tuổi mầm non, tâm lý học học

sinh tiểu học, tâm lý học tuổi thiếu niên, tâm lý học người trưởng thành, tâm lý học người già,... Như vậy, tâm lý học học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ và TRUNG HỌC PHỔ THÔNG là một lĩnh vực nghiên cứu

cụ thể về tâm lý trẻ em trong một giai đoạn phát triển tâm lý của đời người.

1.1.2. Đối tượng của tâm lý học sư phạm

Tâm lý học sư phạm nghiên cứu các đặc điểm tâm lý, các quy luật tâm lý của việc dạy học và giáo dục, nghiên cứu cơ sở tâm lý của quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, các phẩm chất trí tuệ và nhân cách người học. Đồng thời, tâm lý học sư phạm cũng nghiên cứu các yếu tố tâm lý về phía người làm công tác giáo dục, những vấn đề tâm lý của mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh cũng như mối quan hệ qua lại giữa học sinh với nhau.

1.1.3. Nhiệm vụ của tâm lý học lứa tuổi

Tâm lý học lứa tuổi có nhiệm vụ chỉ ra các đặc điểm tâm lý con người được hình thành và phát triển trong từng giai đoạn lứa tuổi và trong suốt cuộc đời, các quy luật hình thành và biểu hiện tâm lý ở từng giai đoạn phát triển lứa tuổi, các điều kiện và động lực của sự phát triển tâm lý ở từng lứa tuổi con người.

1.1.4. Nhiệm vụ của tâm lý học sư phạm

Dựa trên những thành tựu của tâm lý học đại cương và tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm có nhiệm vụ vạch ra cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo

3

dục và rèn luyện các phẩm chất, năng lực cần thiết của người giáo viên, cụ thể là : - Chỉ ra các quy luật tâm lý của việc dạy học và giáo dục. - Nghiên cứu những vấn đề tâm lý học của việc

hình thành tri thức khoa học, hình

thành các kỹ năng, kỹ xảo, các phẩm chất đạo đức nhân cách ở học sinh. - Chỉ ra cơ sở tâm lý của việc điều khiển quá trình dạy học, quá trình giáo dục, tổ chức hoạt động của học sinh trong dạy học và giáo dục ở nhà trường, ngoài giờ lên lớp cũng như xây dựng mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh, giữa nhà trường với gia đình học sinh và các lực lượng giáo dục khác. - Làm rõ những đặc trưng lao động sư phạm của giáo viên, các phẩm chất và năng lực của người giáo viên, việc tự rèn luyện để nâng cao tay nghề và hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp của người thầy giáo.

1.2. Mối quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

Trong hệ thống các khoa học sư phạm, tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm là hai chuyên ngành trực tiếp hình thành nên quan điểm sư phạm, bồi dưỡng nghiệp vụ, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên các trường sư phạm. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm gắn bó chặt chẽ với nhau, quy định lẫn nhau, bổ sung cho nhau một cách biện chứng. Mặc dù chúng có đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu khác nhau, nhưng chúng đều có chung một khách thể nghiên cứu là những con người bình thường ở các giai đoạn phát triển khác nhau (trẻ nhỏ, thiếu niên, thanh niên). Tâm lý học lứa tuổi nghiên cứu động thái phát triển tâm lý của trẻ em trong các giai đoạn lứa tuổi và phải nghiên cứu trẻ em trong hoạt động học tập của chúng nghĩa là trẻ em với tư cách là đối tượng của hoạt động dạy học và giáo dục. Tâm lý học sư phạm nghiên cứu trẻ em với tư cách là đối tượng của hoạt động dạy học và giáo dục nhưng không phải là trẻ em nói chung mà là trẻ em ở một độ tuổi nhất định. Vì thế hai ngành tâm lý học này tạo thành một thể thống nhất, khó tách bạch. Việc phân ranh giới giữa hai chuyên ngành này chỉ có tính tương đối.

CHƯƠNG 2: LÝ LUẬN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM

2.1. Quan niệm về trẻ em

Có nhiều quan niệm khác nhau về trẻ em, trong đó có một quan niệm khá phổ biến cho rằng “trẻ em là người lớn thu nhỏ”. Theo quan niệm này, trẻ em chỉ khác người lớn về tầm cỡ, kích thước cơ thể (chiều cao, cân nặng,...) hoặc khác nhau về mức độ biểu hiện, trình độ đạt được về nhận thức, tư tưởng, tình cảm,...chứ không khác nhau về chất. Từ quan niệm này đã dẫn đến sự sai lầm trong cách đánh giá trẻ em, đó là lấy người lớn làm thước đo mọi thứ cho trẻ em.

Khác với quan niệm trên, ngay từ thế kỷ XVIII, J. J. Rutzô đã nhận xét: “trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại và người lớn không phải lúc nào cũng có thể hiểu được trí tuệ, nguyện vọng và tình cảm độc đáo của trẻ thơ... Vì trẻ em có những cách nhìn, cách suy nghĩ và cảm nhận riêng của nó”. Sự khác nhau giữa trẻ em và người lớn là sự khác nhau về chất.

Ngày nay, những thành tựu của tâm lý học đã khẳng định: trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại. Trẻ em là trẻ em, nó vận động, phát triển theo quy luật của trẻ em. Trẻ em chưa phải là người lớn nhưng nó là một con người, **một thành viên của xã hội**. Trẻ em được nuôi dạy theo kiểu người, được tiếp thu nền văn hóa xã hội để hình thành nên nhân cách. Ngay từ khi ra đời, đứa trẻ đã có nhu cầu đặc trưng của con người: nhu cầu được giao tiếp với người lớn. Người lớn cần có những hình thức riêng, “ngôn ngữ” riêng để giao tiếp với trẻ.

Điều kiện sống và hoạt động của các thế hệ người ở các thời kỳ khác nhau là rất khác nhau.

Do đó, mỗi thời đại đều có trẻ em riêng của mình.

Khi nghiên cứu về trẻ em ngày nay, các nhà khoa học đặc biệt quan tâm đến gia tốc phát triển của các em. Gia tốc phát triển là thuật ngữ để chỉ sự phát triển nhanh về sinh lý, tâm lý của trẻ em đang diễn ra nhiều nơi trên trái đất.

Gia tốc sinh học có liên quan đến một loạt các chỉ tiêu phát triển hình thái và chức năng của con người như : chiều cao, trọng lượng, tuổi dậy thì,... Những kết quả nghiên cứu cho thấy, trong những thập kỷ gần đây, trẻ em có sự phát triển nhanh về sinh lý. Sự phát triển sớm về trí tuệ, sự gia tăng khối lượng tri thức ở trẻ em ngày nay có thể xem như là gia tốc phát triển tâm lý của trẻ em. Mặt khác, khuynh hướng nhận thức của trẻ em ngày nay được mở rộng, năng khiếu, nhu cầu, hứng thú, thị hiếu, thẩm mỹ,... trở nên phong phú và đa dạng. Tuy vậy, cũng không nên nghĩ rằng trẻ em ngày nay không còn là trẻ em nữa.

Một đặc điểm nữa của trẻ em là trong những hoạt động muôn hình muôn vẻ, trẻ em sớm tự ý thức, đánh giá khả năng và kỳ vọng của mình. Tuy nhiên, sự phát triển ý thức xã hội của trẻ em có thể còn chưa tương xứng với sự phát triển trí tuệ và khả năng nhận thức của chúng. Do vậy, trẻ em vẫn cần được bổ sung, hoàn thiện những

hiểu biết xã hội, ý thức xã hội, tính năng động và sáng tạo thông qua những hoạt động thực tiễn ở lớp học cũng như ngoài giờ lên lớp, trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

Hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau trong việc giải thích gia tốc phát triển ở trẻ em. Đa số các nhà tâm lý học cho rằng, khi tìm hiểu nguyên nhân của gia tốc phát triển phải xem xét một cách toàn diện các yếu tố xã hội - lịch sử, quan hệ sản xuất và sức sản xuất, hạ tầng cơ sở và kiến trúc thượng tầng, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, tư tưởng và phong tục tập quán, những đặc điểm sinh học của trẻ em.

2.2. Sự phát triển tâm lý trẻ em

2.2.1. Một số quan niệm sai lầm về sự phát triển tâm lý trẻ em

Quan điểm duy tâm nói chung coi sự phát triển tâm lý trẻ em chỉ là sự chín muồi trưởng thành của các yếu tố sinh vật định sẵn từ trước trong gen di truyền, là tăng lên hoặc giảm đi về số lượng của các hiện tượng tâm lý như số lượng từ ngữ, khối lượng tri thức được giữ lại trong trí nhớ, tăng thời gian tập trung chú ý, tăng tốc độ hình thành kỹ xảo,... chứ không phải là sự chuyển biến về chất. Sự phát triển tâm lý diễn ra một cách tự phát, không tuân theo quy luật và không thể điều khiển được. Quan niệm sai lầm này được biểu hiện ở một số học thuyết sau:

2.2.1.1. Thuyết tiên định

Những người theo học thuyết này coi sự phát triển tâm lý là do các tiềm năng sinh vật **gây ra và con người có** tiềm năng đó ngay từ khi ra đời. Mọi đặc điểm tâm lý chung và có tính chất cá thể đều là tiên định, đều có sẵn trong các cấu trúc sinh vật và sự phát triển chỉ là quá trình trưởng thành, chín muồi của những thuộc tính đã có sẵn ngay từ đầu.

Ngày nay, thuyết tiên định đã có những thay đổi tinh vi để con người dễ chấp nhận hơn. Chẳng hạn, nhà tâm lý học người Mỹ E. Toocđai cho rằng: Tự nhiên ban cho mỗi người một số vốn nhất định, giáo dục cần phải làm bộc lộ vốn đó là vốn gì và cần phải sử dụng nó bằng phương tiện tốt nhất. Theo ông, “vốn tự nhiên” đó đặt ra giới hạn cho sự phát triển, cho nên một bộ phận học sinh tỏ ra không đạt được kết quả nào đó dù giảng dạy tốt, số khác lại tỏ ra có thành tích dù giảng dạy tồi.

Như vậy, thuyết tiên định đã hạ thấp vai trò của giáo dục. Coi giáo dục chỉ là nhân tố bên ngoài có khả năng tăng nhanh hoặc kìm hãm quá trình bộc lộ những phẩm chất tự nhiên, bị chế ước bởi tính di truyền.

2.2.1.2. Thuyết duy cảm

Đối lập với thuyết tiên định, thuyết duy cảm giải thích sự phát triển tâm lý của trẻ em chỉ bằng những tác động của môi trường xung quanh. Những người theo thuyết này cho rằng môi trường là nhân tố tiên định sự phát triển tâm lý trẻ em. Vì thế, muốn nghiên cứu con người thì chỉ cần phân tích cấu trúc môi trường của họ: môi trường xung quanh như thế nào thì nhân cách của con người, cơ chế hành vi, những con đường phát triển của hành vi sẽ như thế đó. Ở đây, những người theo thuyết duy cảm hiểu môi trường là bất biến, quyết định trước số phận con người, còn con người được xem như là đối tượng thụ động trước ảnh hưởng của môi trường. Với quan niệm như vậy, thuyết này sẽ không thể giải thích được vì sao trong môi trường như nhau lại có những nhân cách khác nhau.

2.2.1.3. Thuyết hội tụ hai yếu tố

Những người theo thuyết hội tụ hai yếu tố coi sự tác động qua lại giữa di truyền và

môi trường quy định quá trình phát triển tâm lý trẻ em, trong đó di truyền giữ vai trò quyết định và môi trường là điều kiện để biến những đặc điểm tâm lý vốn đã được định sẵn thành hiện thực. Theo họ, sự phát triển là sự chín muồi của những năng lực, những nét tính cách, những hứng thú và sở thích...mà trẻ sinh ra đã có. Những nét và những đặc điểm

tính cách...do cha mẹ hoặc tổ tiên truyền lại cho thế hệ sau dưới dạng có sẵn, bất biến. Trong đó nhịp độ và giới hạn của sự phát triển là tiền định.

Một số người trong thuyết này có đề cập tới ảnh hưởng của môi trường đối với tốc độ chín muồi của năng lực và các nét tính cách được truyền lại cho trẻ. Nhưng môi trường không phải là toàn bộ những điều kiện và hoàn cảnh mà đứa trẻ hay người lớn sống, mà chỉ là gia đình của trẻ. Môi trường đó được xem như là cái gì riêng biệt, tách rời khỏi toàn bộ đời sống xã hội. Môi trường đó thường xuyên ổn định, ảnh hưởng một cách định mệnh tới sự phát triển của trẻ. Tác động của môi trường, cũng như ảnh hưởng của di truyền định trước sự phát triển của trẻ, không phụ thuộc vào hoạt động sự phạm của nhà giáo dục, vào tính tích cực **ngày càng tăng của trẻ**.

2.2.1.4. Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lý trẻ em

Nguyên lý phát triển trong triết học Mác – Lênin thừa nhận sự phát triển là quá trình biến đổi của sự vật từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Đó là một quá trình tích lũy dần về số lượng dẫn đến sự thay đổi về chất lượng, là quá trình nảy sinh cái mới trên cơ sở cái cũ do sự đấu tranh giữa các mặt đối lập nằm ngay trong bản thân sự vật, hiện tượng.

Đứng trên quan điểm Mác xít này, các nhà tâm lý học khoa học coi sự phát triển tâm lý gắn liền với sự xuất hiện những đặc điểm tâm lý mới về chất, những cấu tạo tâm lý mới ở những giai đoạn lứa tuổi khác nhau. Bất cứ một mức độ nào của trình độ phát triển đi trước cũng là sự chuẩn bị và chuyển hóa cho trình độ sau cao hơn. Sự phát triển tâm lý diễn ra từ thấp đến cao, theo từng giai đoạn như một quá trình, trong đó có những bước nhảy vọt, có khủng hoảng và có những đột biến.

Xét trong toàn cục, phát triển là một quá trình kế thừa. Sự phát triển tâm lý trẻ em là một quá trình trẻ em lĩnh hội nền văn hóa xã hội của loài người. Ngay từ khi ra đời, đứa trẻ đã sống trong thế giới đối tượng và những quan hệ xã hội. Sống trong thế giới đó, đứa trẻ không chỉ thích nghi với đời sống xã hội, mà còn lĩnh hội những kinh nghiệm được tích đọng trong các sản phẩm do con người làm ra và các mối quan hệ giữa con người với con người. Đứa trẻ tiên hành những hoạt động căn bản tương ứng với những hoạt động mà trước đó loài người đã thể hiện vào trong đồ vật. Nhờ cách đó, đứa trẻ lĩnh hội được các năng lực người để tạo ra sự phát triển tâm lý của bản thân mình. Như vậy, phát triển tâm lý là kết quả hoạt động của chính đứa trẻ với những đối tượng do loài người tạo ra.

Tuy nhiên, đứa trẻ không tự lớn lên giữa môi trường. Nó chỉ có thể lĩnh hội kinh nghiệm xã hội khi có vai trò trung gian của người lớn. Nhờ sự tiếp xúc với người lớn và được người lớn hướng dẫn mà những quá trình nhận thức, những kỹ năng, kỹ xảo và cả những nhu cầu xã hội của trẻ được hình thành. Người lớn giúp trẻ nắm được ngôn ngữ, các chuẩn mực và giá trị xã hội, các phương thức hoạt động,... để hình thành và phát triển tâm lý của mình.

Về vai trò của yếu tố di truyền, các nhà tâm lý học khoa học cũng thừa nhận rằng, sự phát triển tâm lý chỉ có thể xảy ra trên nền của một cơ sở vật chất nhất định (một cơ thể

7

người với những đặc điểm bẩm sinh di truyền của nó). Di truyền có vai trò là tiền đề, là điều kiện cần thiết cho sự phát triển tâm lý. Song những điều kiện đó không quyết định sự phát triển tâm lý.

2.2.2. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em **2.2.2.1. Tính không đồng đều của sự phát triển tâm lý** Trong những điều kiện bất kỳ, thậm chí ngay cả trong những điều kiện thuận

lợi nhất của việc giáo dục thì những biểu hiện tâm lý, những chức năng tâm lý khác nhau... cũng không thể phát triển ở mức độ như nhau. Có những thời kỳ tối ưu đối với sự phát triển một hình thức hoạt động tâm lý nào đó. Ví dụ: giai đoạn thuận lợi nhất cho sự phát triển ngôn ngữ là **thời kỳ từ 1 đến 5 tuổi**. cho sự hình thành nhiều kỹ xảo vận động là tuổi học sinh tiểu học, cho sự hình thành tư duy toán học là giai đoạn từ 15 đến 20 tuổi.

2.2.2.2. Tính toàn vẹn của tâm lý

Cùng với sự phát triển, tâm lý con người ngày càng có tính trọn vẹn, thống nhất và bền vững. Sự phát triển tâm lý là sự chuyển biến dần các trạng thái tâm lý thành các đặc điểm tâm lý cá nhân. Tâm lý trẻ nhỏ phần lớn là một tổ hợp thiếu hệ thống những tâm trạng rời rạc khác nhau. Sự phát triển thể hiện ở chỗ những tâm trạng đó dần dần chuyển thành các nét của nhân cách. Tính trọn vẹn của tâm lý phụ thuộc khá nhiều vào động cơ chỉ đạo hành vi của trẻ. Dưới tác động của giáo dục, cùng với sự mở rộng kinh nghiệm sống, những động cơ hành vi của trẻ ngày càng trở nên tự giác, có ý nghĩa xã hội và ngày càng bộc lộ rõ trong nhân cách của trẻ.

2.2.2.3. Tính mềm dẻo và khả năng bù trừ.

Hệ thần kinh của trẻ rất mềm dẻo. Dựa trên tính mềm dẻo của hệ thần kinh mà tác động của giáo dục có thể làm thay đổi tâm lý của trẻ em. Tính mềm dẻo cũng tạo ra khả năng bù trừ khi một chức năng tâm lý nào đó yếu hoặc thiếu thì những chức năng tâm lý khác được tăng cường, phát triển mạnh hơn để bù đắp hoạt động không đầy đủ cho các chức năng bị yếu hoặc bị hỏng. Ví dụ: trí nhớ kém có thể được bù trừ bằng tính tổ chức cao, tính chính xác của hoạt động.

Trên đây là những quy luật cơ bản của sự phát triển tâm lý trẻ em. Những quy luật này chỉ là một số xu thế của sự phát triển tâm lý có thể xảy ra. Sự phát triển tâm lý của trẻ em không tuân theo quy luật sinh học, mà tuân theo quy luật xã hội. Dù có bộ óc tinh vi đến mấy nhưng không sống trong xã hội loài người thì trẻ em cũng không thể trở thành thực thể người với đầy đủ tính xã hội của nó.

2.2.3. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi

2.2.3.1. Quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý

Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi là một trong những vấn đề quan trọng của tâm lý học lứa tuổi. Xung quanh việc phân chia này có nhiều quan điểm khác nhau. Quan điểm sinh vật hóa coi sự phát triển tâm lý tuân theo các quy luật tự nhiên của sinh vật, mang tính bất biến và tính tuyệt đối của các giai đoạn lứa tuổi. Chủ nghĩa hành vi lại không thừa nhận khái niệm lứa tuổi, họ coi sự phát triển tâm lý chỉ là sự tích lũy tri thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách đơn giản.

Theo quan niệm của các nhà tâm lý học Mác xít, đại diện là L. X. Vurgôtxki, coi lứa tuổi là một thời kỳ, một mức độ phát triển nhất định, có ý nghĩa đối với sự phát triển chung của con người. Khi chuyển từ lứa tuổi này sang lứa tuổi khác bao giờ cũng xuất

8

hiện những cấu tạo tâm lý mới chưa từng có trong các thời kỳ trước. Vurgôtxki, với quan điểm xã hội lịch sử, đã căn cứ vào những thời điểm mà sự phát triển tâm lý có những đột biến để xác định thời kỳ phát triển tâm lý. Đặc điểm tâm lý ở mỗi giai đoạn lứa tuổi được quyết định bởi một tổ hợp nhiều yếu tố như: các đặc điểm của hoàn cảnh sống, các đặc điểm cơ thể, đặc điểm của các yêu cầu đề ra cho đứa trẻ ở giai đoạn đó, mối quan hệ của **đứa trẻ với thế giới xung quanh**, trình độ tâm lý mà đứa trẻ đã đạt được ở giai đoạn trước, kiểu tri thức mà trẻ đã nắm được cùng với phương thức lĩnh hội các tri thức đó.

Tuổi chỉ có ý nghĩa như là yếu tố thời gian trong quá trình phát triển của trẻ. Tuổi không quyết định trực tiếp sự phát triển nhân cách. Những đặc điểm lứa tuổi là đặc điểm chung, đặc điểm điển hình nhất, chỉ ra phương hướng phát triển chung. Lứa tuổi không phải là phạm trù tuyệt đối, bất biến. Giai đoạn lứa tuổi chỉ có ý nghĩa tương đối. Tuổi có thể phù hợp với trình độ phát triển của trẻ hoặc có thể đi trước hoặc chậm hơn sự phát triển là do việc tổ chức cuộc sống của trẻ, tổ chức sự tiếp xúc của trẻ với thế giới xung quanh có tốt hay không.

2.2.3.2. Phân chia giai đoạn phát triển tâm lý của trẻ em Căn cứ vào những thay đổi trong cấu trúc tâm lý của trẻ, sự trưởng thành của cơ thể, những thay đổi cơ bản trong điều kiện sống và hoạt động của trẻ em, người ta phân chia sự phát triển tâm lý trẻ em thành các giai đoạn lứa tuổi sau: - Giai đoạn sơ sinh và hài nhi (từ 0 đến 1 tuổi): hoạt động giao lưu cảm xúc trực tiếp với người lớn, trước hết là với mẹ, có vai trò quyết định sự hình thành và phát triển tâm lý của trẻ. Giai đoạn này gồm 2 thời kỳ là:

- + Thời kỳ sơ sinh: hai tháng đầu tiên sau khi sinh.
- + Thời kỳ hài nhi: từ 2 tháng đến 1 năm tuổi.

- Giai đoạn trước tuổi học (từ 1 đến 6 tuổi), gồm tuổi vườn trẻ và tuổi mẫu giáo. + Tuổi vườn trẻ (từ 1 đến 3 tuổi): hoạt động với đồ vật giữ vai trò chủ đạo, ngôn ngữ phát triển nhanh, xuất hiện những tiền đề của sự hình thành nhân cách.

+ Tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi): Vui chơi là hoạt động chủ đạo, trí lực và nhân cách của trẻ phát triển mạnh.

- Giai đoạn tuổi đi học (từ 6 đến 18 tuổi) được chia thành 3 thời kỳ. + Thời kỳ đầu tuổi học (từ 6 đến 11 tuổi – tuổi nhi đồng hoặc học sinh tiểu học): Học tập là hoạt động chủ đạo. Nhận thức, tình cảm, ý chí, ý thức và nhân cách của trẻ phát triển mạnh.

+ Thời kỳ giữa tuổi học (từ 11 đến 15 tuổi – tuổi thiếu niên hoặc học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ): học tập và giao tiếp với bạn bè là hoạt động chủ đạo. Nhận thức, trí tuệ, tình cảm, ý chí và các phẩm chất nhân cách của trẻ phát triển mạnh.

+ Thời kỳ cuối tuổi học (từ 15 đến 18 tuổi – đầu tuổi thanh niên hoặc học sinh TRUNG HỌC PHỔ THÔNG): Học tập và hoạt động lựa chọn nghề là hoạt động chủ đạo. Ở lứa tuổi này, tự ý thức và tính tích cực xã hội phát triển mạnh.

Mỗi thời kỳ nói trên có một vị trí, vai trò nhất định trong quá trình chuyển từ đứa trẻ mới sinh sang một nhân cách trưởng thành. Sự chuyển từ thời kỳ này sang thời kỳ

9

khác bao giờ cũng gắn với sự xuất hiện những cấu trúc tâm lý mới về chất.

2.2.4. Dạy học và sự phát triển tâm lý

Trong lịch sử phát triển nhân loại, nhà trường xuất hiện từ rất sớm. Cùng với sự xuất hiện nhà trường, phương pháp dạy học cũng ra đời và từng bước được hoàn thiện. Phương pháp dạy học của nhà trường lúc đầu còn mang tính chất giáo điều với các công việc của thầy và trò là: thầy thông báo cho học sinh những gì cần học, học trò thừa nhận **và học thuộc lòng**. Phương pháp này chủ yếu làm phát triển trí nhớ của người học. Dần dần, cách dạy của thầy cũng được hoàn thiện hơn. Thầy không chỉ thông báo, mà còn giải thích với sự hỗ trợ của các phương tiện trực quan. Lúc này, trò cần phải hiểu được những điều thầy giảng trước khi học thuộc lòng, phải vận dụng những tri thức đã học để

làm bài tập, bài viết theo mẫu định trước và có chỉ dẫn. Như vậy, việc ghi nhớ đã có thêm yếu tố tư duy, việc học thuộc lòng từng câu chữ được thay bằng việc học thuộc lòng những tri thức đã được cấu tạo lại.

Trong hoàn cảnh lịch sử nhất định, kiểu dạy học nêu trên đã có những đóng góp quan trọng vào việc giáo dục thế hệ trẻ. Tuy nhiên, xét trên bình diện thúc đẩy sự phát triển tâm lý của trẻ em, thì kiểu dạy học này có điểm yếu là: không có nhân tố nào đảm bảo việc lĩnh hội tri thức và phát triển tâm lý học sinh một cách tối ưu, không hình thành được hoạt động học tập của trẻ em. Điều đó có nghĩa là kiểu dạy học này không mang tính phát triển vì nó chỉ nhằm mục đích truyền thụ cho học sinh những tri thức sẵn có bằng con đường kinh nghiệm trên cơ sở coi trọng những dấu hiệu bề ngoài, trực quan, cảm tính, mà chưa chú ý thích đáng đến sự phát triển tư duy lý luận ở học sinh. Trong kiểu dạy học này, thầy thường làm thay trò và trò thụ động làm theo sự hướng dẫn của thầy, hoạt động của trò không được chú ý một cách thích đáng. Vì thế, B. G. Ananhep và V. V. Đavudôp cho rằng: dạy học truyền thống tuy có làm tăng vốn tri thức, kỹ năng cho trẻ em nhưng không làm cho tư duy trẻ em thay đổi về chất so với tư duy của trẻ em trước tuổi học.

CHƯƠNG 3 TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. Giới hạn và vị trí của tuổi thiếu niên trong sự phát triển cá nhân

3.1.1. Giới hạn tuổi thiếu niên

Về phát triển thể chất, dấu hiệu cơ bản để biết một đứa trẻ đã trở thành một thiếu niên đó là hiện tượng dậy thì, là lứa tuổi chín muồi giới tính và sự trưởng thành các hệ thống sinh học khác. Tuổi thiếu niên thường được bắt đầu từ 11, 12 tuổi và kết thúc vào lúc 14, 15 tuổi. ở Việt Nam lứa tuổi này gần trùng với thời kì trẻ học ở bậc Trung học cơ sở (TRUNG HỌC CƠ SỞ). Bởi vậy, lứa tuổi thiếu niên còn được gọi là tuổi học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ. Tuy nhiên, trong thực tế, sự dậy thì (bắt đầu bước vào tuổi thiếu niên) có thể không hoàn toàn trùng với việc học sinh vào học lớp 6, mà có thể sớm hoặc

muộn hơn.

Về thời gian kết thúc tuổi thiếu niên, các chỉ số sinh học thường gắn với *sự trưởng thành cơ thể* và *sinh dục*, còn về phương diện văn hoá - xã hội không rõ ràng như yếu tố sinh học. ở nhiều nước đang phát triển, trẻ em thường sớm có cuộc sống tự lập và phải có nhiều trách nhiệm với gia đình, nên thời điểm chấm dứt tuổi thiếu niên sớm hơn so với trẻ em ở các nước phát triển.

3.1.2. Vị trí của tuổi thiếu niên trong cuộc đời mỗi cá nhân Tuổi thiếu niên có vị trí và ý nghĩa đặc biệt trong suốt quá trình phát triển của cả đời người. Điều này được thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất: Đây là thời kì *quá độ từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành, thời kì trẻ ở ngã ba đường của sự phát triển*. Trong đó có rất nhiều khả năng, nhiều phương án, nhiều con đường để mỗi trẻ em trở thành một cá nhân. Trong thời kì này, nếu sự phát triển được định hướng đúng, được tạo thuận lợi thì trẻ em sẽ trở thành cá nhân thành đạt, công dân tốt. Ngược lại, nếu không được định hướng đúng, bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực thì sẽ xuất hiện hàng loạt nguy cơ dẫn trẻ em đến bên bờ của sự phát triển lệch lạc về nhận thức, thái độ, hành vi và nhân cách.

Thứ hai: Thời kì mà *tính tích cực xã hội của trẻ em được phát triển mạnh mẽ*, đặc biệt trong việc thiết lập các quan hệ bình đẳng với người lớn và bạn ngang hàng; trong việc lĩnh hội các chuẩn mực và giá trị xã hội, thiết kế tương lai của mình và những kế hoạch hành động cá nhân tương ứng.

Thứ ba: Trong suốt thời kì tuổi thiếu niên đều diễn ra *sự cấu tạo lại, cải tổ lại, hình thành các cấu trúc mới về thể chất, sinh lí, về hoạt động, tương tác xã hội và tâm lí, nhân cách*. Từ đó *hình thành cơ sở nền tảng và vạch chiều hướng* cho sự trưởng thành thực thụ của cá nhân.

Thứ tư: Tuổi thiếu niên là giai đoạn khó khăn, phức tạp và đầy mâu thuẫn trong quá trình phát triển.

Ngay các tên gọi của thời kì này: thời kì “quá độ”, “tuổi bứt phá” “tuổi khó khăn”, “tuổi khủng hoảng” v.v. đã nói lên tính phức tạp và quan trọng của quá trình phát triển diễn ra trong lứa tuổi thiếu niên.

11

Sự phức tạp thể hiện qua tính hai mặt của hoàn cảnh phát triển của trẻ: *một mặt* có những yếu tố thúc đẩy phát triển tính cách của người lớn, *mặt khác* hoàn cảnh sống của các em có những yếu tố kìm hãm sự phát triển tính người lớn: phần lớn thời gian các em bận học, ít có nghĩa vụ khác với gia đình, nhiều bậc cha mẹ quá chăm sóc trẻ, không để các em phải chăm lo công việc gia đình...

Trong quá trình phát triển, tuổi thiếu niên thường xuất hiện nhiều mâu thuẫn: mâu thuẫn ngay trong nhận thức và nhu cầu nội tại của trẻ trong quá trình phát triển; mâu thuẫn giữa trẻ em với người lớn trong quan niệm và cách hành xử của người lớn đối với trẻ.

3.2. Sự phát triển thể chất

3.2.1. Sự phát triển cơ thể

Bước vào tuổi thiếu niên, có sự cải tổ lại rất mạnh mẽ và sâu sắc về cơ thể, về sinh lí. Trong suốt quá trình trưởng thành và phát triển cơ thể của cá nhân, đây là giai đoạn phát triển nhanh thứ hai, sau giai đoạn sơ sinh. Vì vậy, nhiều người gọi tuổi thiếu niên là *giai đoạn bứt phá lần thứ hai* trong cuộc đời. Sự cải tổ về mặt giải phẫu sinh lí của thiếu niên

có đặc điểm là tốc độ phát triển cơ thể nhanh, mạnh mẽ, nhưng không cân đối, đồng thời xuất hiện yếu tố mới mà ở lứa tuổi trước chưa có (sự dậy thì). Tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến sự cải tổ thể chất – sinh lí của tuổi thiếu niên là các hoóc - môn, chế độ lao động và dinh dưỡng

3.2.1.1. Sự phát triển của chiều cao và trọng lượng.

Chiều cao của thiếu niên tăng rất nhanh: trung bình một năm, các em gái cao thêm 5 - 6 cm, các em trai thêm 7 - 8 cm. Trọng lượng của các em tăng từ 2 đến 5 kg/ năm. Gia tốc phát triển về thể **chất của trẻ em được biểu hiện rất rõ trong** lứa tuổi thiếu niên. Trong khoảng 20 - 30 năm gần đây, thiếu niên phát triển với nhịp độ nhanh chóng, các em trở nên cao, to, khoẻ mạnh hơn những thiếu niên cùng tuổi ở thời điểm 30 năm trước.

3.2.1.2. Sự phát triển của hệ xương

Hệ xương đang diễn ra quá trình cốt hoá về hình thái, làm cho thiếu niên lớn lên rất nhanh. Ở các em gái đang diễn ra quá trình hoàn thiện các mảnh của xương chậu (đáp ứng chức năng làm mẹ sau này) và kết thúc vào tuổi 20, 21. Bởi vậy cần tránh cho các em đi giày, guốc cao gót, tránh nhảy quá cao để khỏi ảnh hưởng đến chức năng sinh sản của các em.

Từ 12 đến 15 tuổi, phần tăng thêm của xương sống chậm hơn so với nhịp độ lớn lên về chiều cao của thân thể. Dưới 14 tuổi vẫn còn có các đốt sụn hoàn toàn giữa các đốt xương sống, do đó cột sống dễ bị cong, vẹo khi đứng, ngồi, vận động, mang vác vật nặng... không đúng tư thế (Sự hỏng tư thế diễn ra nhiều nhất ở tuổi 12 đến 15). Do đó cần lưu ý nhắc nhở, giúp các em tránh những sai lệch về cột sống.

Khuôn mặt thiếu niên cũng thay đổi do sự phát triển nhanh chóng phần phía trước của hộp sọ. Điều này khiến tỉ lệ chung ở thân thể thiếu niên thay đổi so với trẻ nhỏ và đã xấp xỉ tỉ lệ đặc trưng cho người lớn. Đến cuối tuổi thiếu niên, sự phát triển thể chất đạt mức tối đa.

3.2.1.3. Sự phát triển của hệ cơ

Sự tăng khối lượng các bắp thịt và lực của cơ bắp diễn ra mạnh nhất vào cuối thời

12

ki dậy thì. Cuối tuổi thiếu niên, cơ thể của các em đã rất khoẻ mạnh (các em trai thích đọ tay, đá bóng để thể hiện sức mạnh của cơ bắp...). Tuy nhiên thiếu niên thường chóng mệt và không làm việc lâu bền như người lớn. Nên chú ý điều đó khi tổ chức lao động, luyện tập thể thao, hoạt động ngoại khoá cho các em.

Sự phát triển hệ cơ của thiếu niên trai và gái diễn ra theo hai kiểu khác nhau, đặc trưng cho mỗi giới. Các em trai cao nhanh, vai rộng ra, các cơ vai, bắp tay, bắp chân phát triển mạnh, tạo nên sự mạnh mẽ của nam giới sau này. Các em gái tròn trặn dần, ngực nở, xương chậu rộng... tạo nên sự mềm mại, duyên dáng của thiếu nữ cuối tuổi thiếu niên.

Sự phát triển cơ thể thiếu niên diễn ra không cân đối. Hệ cơ phát triển chậm hơn hệ xương. Trong sự phát triển của hệ xương thì xương tay, xương chân phát triển mạnh nhưng xương lồng ngực phát triển chậm hơn. Xương bàn tay và các đốt ngón tay phát triển không đồng đều. Việc cải tổ bộ máy vận động làm mất đi sự nhịp nhàng của các cử động, làm thiếu niên lúng túng, vụng về, vận động thiếu hài hoà, nảy sinh ở các em cảm xúc không thoải mái, thiếu tự tin.

Hệ tim mạch phát triển cũng không cân đối. Thể tích tim tăng nhanh, tim to hơn, hoạt động mạnh hơn, trong khi đường kính của các mạch máu lại phát triển chậm hơn dẫn đến sự rối loạn tạm thời của tuần hoàn máu. Do đó thiếu niên thường bị mệt mỏi, chóng mặt, nhức

đầu, trống ngực đập nhanh, huyết áp tăng khi phải làm việc quá sức hoặc làm việc trong một thời gian kéo dài.

Trong lứa tuổi thiếu niên có sự thay đổi đột ngột bên trong cơ thể do những thay đổi trong hệ thống **các tuyến nội tiết đang hoạt** động tích cực (đặc biệt những hoóc - môn của tuyến giáp trạng, tuyến sinh dục). Do hệ thống tuyến nội tiết và hệ thần kinh có liên quan với nhau về chức năng nên một mặt nghị lực của thiếu niên tăng mạnh mẽ, mặt khác các em lại nhạy cảm cao với các động tác gây bệnh. Vì vậy, làm việc quá sức, sự căng thẳng thần kinh kéo dài, sự xúc động và những cảm xúc tiêu cực có thể là nguyên nhân gây rối loạn nội tiết và rối loạn chức năng của hệ thần kinh.

3.2.2. Đặc điểm hoạt động của não và thần kinh cấp cao của thiếu niên Ở tuổi thiếu niên, não có sự phát triển mới giúp các chức năng trí tuệ phát triển mạnh mẽ. Các vùng thái dương, vùng đỉnh, vùng trán, các tua nhánh của nơron phát triển rất nhanh, tạo điều kiện nối liền các vùng này với vỏ não, các nơron thần kinh được liên kết với nhau, hình thành các chức năng trí tuệ.

Những quá trình hưng phấn phát triển mạnh, chiếm ưu thế rõ rệt và lan toả cả vùng dưới vỏ. Vì vậy, thiếu niên dễ bị “hậu đậu”, có nhiều động tác phụ của đầu, chân, tay trong khi vận động hay tham gia các hoạt động. Do các quá trình hưng phấn mạnh, chiếm ưu thế và các quá trình ức chế có điều kiện bị suy giảm nên thiếu niên không làm chủ được cảm xúc, không kiềm chế được xúc động mạnh. Sự thay đổi mối tương quan giữa các quá trình hưng phấn và ức chế của hệ thần kinh thường gây nên tính mất cân bằng chung, tính dễ bị kích thích, tính hiếu động, tính uể oải theo chu kì của thiếu niên. Bởi vậy, thiếu niên dễ nổi nóng, hay có phản ứng vô cớ, dễ bị kích động, mất bình tĩnh... nên dễ vi phạm kỉ luật.

Ở thiếu niên có sự mất cân đối giữa hệ thống tín hiệu thứ nhất và hệ thống tín hiệu thứ hai (Phản xạ có điều kiện đối với tín hiệu trực tiếp được hình thành nhanh hơn so với phản xạ có điều kiện đối với tín hiệu ngôn ngữ). Do đó ngôn ngữ của thiếu niên cũng thay

13

đổi. Các em nói chậm hơn, ngập ngừng, nói “nhát gừng”...

Tuy nhiên, sự mất cân bằng trên chỉ có tính chất tạm thời. Khoảng 15 tuổi trở đi thì vai trò của hệ thống tín hiệu thứ hai tăng, sự ức chế trong được tăng cường, quá trình hưng phấn và ức chế cân đối hơn. Nhờ vậy các em sẽ bước vào tuổi thanh niên với sự hài hoà của hai hệ thống tín hiệu, của hưng phấn và ức chế ở vỏ não và dưới vỏ.

3.2.3. Sự phát triển của tuyến sinh dục (hiện tượng dậy thì) Sự trưởng thành về mặt sinh dục là yếu tố quan trọng nhất của sự phát triển cơ thể ở tuổi thiếu niên. Dấu hiệu dậy thì ở em gái là sự phát triển của tuyến vú, ở em trai là thể tích tinh hoàn.

Sự xuất hiện tuổi dậy thì phụ thuộc vào các yếu tố khí hậu, thể chất, dân tộc, chế độ sinh hoạt (vật chất, tinh thần)... Tuy nhiên, hiện nay do gia tốc phát triển thể chất, nên tuổi dậy thì có thể đến sớm hơn từ 1,5 đến 2 năm.

Tuổi dậy thì ở các em gái Việt Nam vào khoảng 12 đến 13 tuổi, ở các em trai bắt đầu và kết thúc chậm hơn khoảng từ 1 đến 2 năm.

Dấu hiệu phụ báo hiệu tuổi dậy thì có sự khác nhau giữa các em trai và gái. Các em trai cao vồng lên, giọng nói ồm ồm, vai to, có ria mép... Các em gái cũng lớn nhanh, **thân hình duyên dáng**, da dẻ hồng hào, tóc mượt mà, môi đỏ, giọng nói trong trẻo...

Đến 15,16 tuổi, giai đoạn dậy thì kết thúc. Các em có thể sinh sản được nhưng chưa trưởng thành về mặt tâm lí và xã hội. Bởi vậy lứa tuổi thiếu niên được coi là không có sự cân đối giữa việc phát dục, tình cảm và ham muốn tình dục với mức độ trưởng thành về xã hội. Các em chưa biết đánh giá, kìm hãm những bản năng, ham muốn của bản thân, chưa biết kiểm tra tình cảm và hành vi, chưa

biết xây dựng mối quan hệ đúng đắn với bạn khác giới. Vì thế người lớn (cha mẹ, giáo viên, các nhà giáo dục...) cần hướng dẫn, giúp đỡ thiếu niên một cách khéo léo, tế nhị để các em hiểu đúng vấn đề, không bần khoăn lóng lánh bước vào tuổi dậy thì.

3.2.4. Ảnh hưởng của cải tổ về giải phẫu sinh lí và sự dậy thì đến sự phát triển tâm lí của thiếu niên.

Sự dậy thì và những biến đổi trong sự phát triển thể chất của thiếu niên có ý nghĩa quan trọng đối với sự xuất hiện những cấu tạo tâm lí mới. Những biến đổi rõ rệt về mặt giải phẫu - sinh lí đối với thiếu niên đã làm cho các em trở thành người lớn một cách khách quan và làm nảy sinh trong ý thức các em cảm giác về tính người lớn.

Sự dậy thì làm cho thiếu niên xuất hiện những cảm giác, tình cảm và rung cảm mới, mang tính chất giới tính, các em quan tâm nhiều hơn đến người khác giới. Tuy nhiên những ảnh hưởng trên đến sự phát triển tâm lí của thiếu niên còn phụ thuộc nhiều yếu tố: kinh nghiệm sống, đặc điểm giao tiếp của thiếu niên, những hoàn cảnh riêng trong đời sống và điều kiện giáo dục (Giáo dục gia đình và nhà trường) đối với thiếu niên.

Tóm lại, cơ thể thiếu niên chịu một phụ tải đáng kể do sự phát triển nhảy vọt về thể chất trong sự cải tổ giải phẫu sinh lí cơ thể. Do hoạt động mạnh của các tuyến nội tiết dẫn tới hiện tượng dậy thì. ở giai đoạn này, khả năng chịu kích thích mạnh của hệ thần kinh chưa tốt, các em dễ chóng mặt, mệt mỏi khi thực hiện các công việc nặng hoặc diễn ra trong thời gian dài. Những mâu thuẫn tạm thời chỉ diễn ra trong quá trình cải tổ về giải phẫu sinh lí trong thời gian ngắn. Đến cuối tuổi thiếu niên, sự phát triển về thể chất sẽ êm ả hơn.

3.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển tâm lí thiếu niên Cùng với sự biến đổi mạnh mẽ về thể chất, điều kiện xã hội của sự phát triển tâm lí của thiếu niên cũng có những thay đổi cơ bản so với tuổi nhi đồng.

3.3.1. Đời sống của thiếu niên trong gia đình

Vị thế của thiếu niên trong gia đình đã được thay đổi so với tuổi nhi đồng. Các em được thừa nhận là một thành viên tích cực, được giao những nhiệm vụ cụ thể: chăm sóc em nhỏ, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa... Ở những gia đình neo đơn hoặc khó khăn, các em phải tham gia lao động thực sự, góp phần thu nhập cho gia đình.

Các em được cha mẹ trao đổi, bàn bạc một số công việc trong nhà. Thiếu niên đã quan tâm đến việc xây dựng, bảo vệ uy tín gia đình.

Nhìn chung, thiếu niên ý thức được vị thế mới của mình trong gia đình và thực hiện một cách tích cực. Tuy nhiên, đa số thiếu niên vẫn còn đi học nên các em vẫn phụ thuộc về kinh tế và **các yếu tố xã hội khác vào cha**, mẹ và gia đình. Điều này tạo ra hoàn cảnh có tính hai mặt trong đời sống của thiếu niên ở gia đình.

3.3.2. Vị thế của thiếu niên ngoài xã hội

Thiếu niên có những quyền hạn và trách nhiệm xã hội lớn hơn so với học sinh Tiểu học. 15 tuổi, các em được làm chứng minh thư (được xã hội công nhận là một công dân như người lớn, tự chịu trách nhiệm trước hành vi của mình...).

Cùng với học tập, thiếu niên còn tham gia nhiều hoạt động xã hội phong phú: giúp đỡ, giáo dục các em nhỏ, giúp các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình cách mạng, tham gia các hoạt động tập thể chống tệ nạn xã hội, vệ sinh trường, lớp, đường phố... Đồng thời quan hệ xã hội được rộng mở, kinh nghiệm sống phong phú, ý thức xã hội được nâng cao.

Tóm lại, do sự thay đổi về điều kiện sống, điều kiện hoạt động của thiếu niên trong

gia đình, nhà trường, xã hội mà vị trí của thiếu niên được nâng cao. Đó là điều kiện quan trọng làm cho hoạt động nhận thức và nhân cách thiếu niên thay đổi về chất so với các lứa tuổi trước.

3.4. Hoạt động và giao tiếp của thiếu niên

3.4.1. Hoạt động học tập của học sinh Trung học cơ sở Trên thực tế tuyệt đại đa số trẻ em tuổi thiếu niên đều đi học TRUNG HỌC CƠ SỞ. Vì vậy, hoạt động học tập vẫn chiếm vị trí hàng đầu trong đời sống của hầu hết trẻ em tuổi thiếu niên và quy định mạnh mẽ sự phát triển tâm lí của các em.

3.4.1.1. Đặc điểm hoạt động học tập của học sinh Trung học cơ sở Hoạt động học tập của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ có các đặc điểm:

Thứ nhất: Nếu đặc trưng nổi bật trong học tập của học sinh tiểu học là *hình thành được các hành động học*, thì đối với học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ vấn đề quan trọng nhất là *phương pháp học nói chung, cách học các môn khoa học như thế nào cho hiệu quả là mối quan tâm hàng đầu trong học tập của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ*. Giáo viên có kinh nghiệm thường biết phát hiện và trợ giúp kịp thời cho các em thông qua các buổi sinh hoạt, trao đổi tập thể và cá nhân.

Thứ hai: Đối tượng học tập của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ là những tri thức thuộc các lĩnh

15

vực khoa học riêng. Việc học tập một cách hệ thống những khái niệm khoa học là yếu tố quan trọng để học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ cấu trúc lại hệ thống động cơ, thái độ học tập cũng như thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nhận thức, trí tuệ và nhân cách của các em.

Động cơ học tập của thiếu niên là tìm hiểu một cách hệ thống tri thức khoa học và áp dụng chúng vào giải quyết nhiệm vụ thực tiễn. Từ đó hình thành thái độ mới đối với hệ thống tri thức khoa học. Chuyển cách nhìn sự vật từ cảm tính sang *cách nhìn có tính chất lí luận*. ở cuối tuổi TRUNG HỌC CƠ SỞ dần xuất hiện những động cơ học tập mới, có liên quan đến sự hình thành dự định nghề nghiệp và tự ý thức.

Thứ ba: Thái độ đối với học tập ở của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ đã được cấu trúc lại. Ở học sinh nhỏ, thái độ với các môn học phụ thuộc vào thái độ của các em đối với giáo viên và điểm số cũng như các phần thưởng khác mà trẻ nhận được. Nhưng dần dần, những nội dung đòi hỏi tính tích cực, hoạt động độc lập, sáng tạo và mở rộng tầm hiểu biết sẽ hấp dẫn học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ hơn. Từ đó dẫn đến sự **phân hoá thái độ đối với các môn học**, có môn “thích”, môn “không thích”, có môn “cần”, có môn “không cần”... Thái độ khác nhau đối với các môn học của thiếu niên phụ thuộc vào hứng thú, sở thích của các em, vào nội dung môn học và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

Thứ tư: Tính chất và hình thức hoạt động học của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ cũng thay đổi so với Tiểu học. Việc học tập của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ không chỉ đóng khung trong các tiết học lí thuyết ở trên lớp, mà còn được diễn ra theo nhiều hình thức sinh động khác: thảo luận, thực hành, thí nghiệm, tham quan v.v. Học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ thường hứng thú với những hình thức học tập đa dạng, phong phú, (những giờ thực hành, thí nghiệm vật lí, hoá học, sinh học ở phòng thí nghiệm, ở vườn sinh vật; những hình thức sinh hoạt theo chủ đề, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động ngoại khoá, hoạt động ngoài nhà trường (tham quan, dã ngoại...))

3.4.1.2. Quan hệ của học sinh Trung học cơ sở với giáo viên trong quá trình học tập Học sinh

TRUNG HỌC CƠ SỞ ít phụ thuộc vào giáo viên hơn so với học sinh Tiểu học. Nhu cầu được thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với giáo viên, cũng như sự sùng bái giáo viên giảm nhiều so với học sinh Tiểu học. Các em có phần “xa cách” với giáo viên hơn so với bậc tiểu học.

Các em tiếp xúc với nhiều giáo viên. Mỗi giáo viên có thái độ và yêu cầu khác nhau đối với học sinh, có trình độ tay nghề, phẩm chất sư phạm và có phong cách giảng dạy riêng. Từ đó, thiếu niên phải thích nghi với những yêu cầu mới và khác nhau của các giáo viên. Sự thay đổi này có thể tạo ra những khó khăn nhất định cho các em nhưng cũng là yếu tố khách quan để các em dần có được phương thức nhận thức người khác. Đồng thời, các em có thể nảy sinh sự đánh giá, so sánh và tỏ thái độ khác nhau đối với các giáo viên. Từ đó các em có yêu cầu cao về phẩm chất và năng lực của giáo viên, đặc biệt là về các phẩm chất nhân cách.

3.4.1.3. Một số khó khăn và thiếu sót trong hoạt động học của học sinh Trung học cơ sở

Trong hoạt động học, học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ thường gặp một số khó khăn, làm hạn chế việc học của các em.

Khoảng cách giữa cấu trúc nội dung khoa học của môn học với cấu trúc nhận thức đã được hình thành trước đó. Nội dung khoa học của các môn học, đặc biệt là các môn

16

khoa học tự nhiên, đòi hỏi học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ phải có khả năng tư duy lí luận, tư duy trừu tượng, trên cơ sở các mệnh đề. Trong khi đó, cuối bậc tiểu học đa số trẻ em mới hình thành và phát triển tư duy cụ thể gắn liền với sự vật. Vì vậy, trong quá trình dạy học sinh các tri thức khoa học, giáo viên cần lưu ý đến việc giúp học sinh phát triển các tư duy lí luận. Đây cũng chính là một trong những nhiệm vụ chính của dạy học bậc TRUNG HỌC CƠ SỞ.

Sự dậy thì cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nói chung, học tập nói riêng của trẻ em tuổi thiếu niên. Do tác động của các yếu tố dậy thì dẫn đến tâm trạng của các em không ổn **định, dễ mệt mỏi và chán nản v.v.**

Một khó khăn khác là *sự phân hoá trong học tập* của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ, dẫn đến một bộ phận không nhỏ không đạt hiệu quả học tập theo đúng khả năng của mình. Một số em không kiên trì, sự say mê, thiếu hoặc không ổn định sự cần mẫn trong học tập. Nhiều em học do ngẫu hứng, dễ bị các hoạt động khác lôi cuốn. Việc học tập ở một số thiếu niên chưa hướng về tương lai, chưa hướng về động cơ xa. Điều này khác hẳn với học sinh TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. Mức độ khó khăn và thiếu sót trong hoạt động học tập có thể khác nhau ở học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ. Nếu không chú ý và ngăn chặn kịp thời thì những thiếu sót này sẽ trở thành trở ngại nghiêm trọng trong việc lĩnh hội tri thức, dẫn đến hậu quả khó khắc phục: các em không có khả năng độc lập lĩnh hội tri thức, kết quả học tập sút kém, mất hứng thú học tập, chán nản, bỏ học...

3.4.2. Hoạt động văn nghệ - thể thao

Nhu cầu hoạt động văn hoá - nghệ thuật, thể thao của trẻ em tuổi thiếu niên rất cao. Các em rất ham mê đọc các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo, tạp chí tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ và thể thao. Các em tích cực tham gia hoạt động này không chỉ nhằm thoả mãn nhu cầu văn hoá mà còn nhằm thoả mãn nhu cầu giao tiếp với bạn.

Trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật, thiếu niên quan tâm tới các chủ đề về sức mạnh chống lại thiên nhiên, chống cái ác, làm điều nghĩa hiệp. Trẻ ngưỡng mộ các nhân vật anh hùng nghĩa hiệp, dám xả thân vì sự công bằng. Cuối tuổi thiếu niên, các em chuyển dần sang các chủ đề về quan hệ xã hội, về tình bạn, tình yêu và các giá trị xã hội khác.

Ở lứa tuổi thiếu niên các em không chỉ hưởng thụ các tác phẩm văn học - nghệ thuật mà còn hướng tới sự sáng tạo ra chúng. Nhiều em đã bộc lộ năng khiếu, khả năng của mình và đã thành công trong các lĩnh vực nghệ thuật và thể thao.

3.4.3. Giao tiếp của thiếu niên

Lứa tuổi thiếu niên có những thay đổi rất cơ bản trong giao tiếp với người lớn và với các bạn cùng tuổi.

3.4.3.1. *Giao tiếp với người lớn và các kiểu ứng xử của người lớn đối với thiếu niên* a. *Đặc điểm giao tiếp của thiếu niên với người lớn*

Nét đặc trưng trong giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn là sự cải tổ lại kiểu quan hệ giữa người lớn - trẻ con có ở tuổi nhi đồng, *hình thành kiểu quan hệ đặc trưng của tuổi thiếu niên và đặt cơ sở cho việc thiết lập quan hệ của người lớn với người lớn trong các giai đoạn tiếp theo.*

Quan hệ giữa tuổi thiếu niên với người lớn có các đặc trưng:

Thứ nhất: Tính chủ thể trong quan hệ giữa trẻ với người lớn rất cao, thậm chí cao

17

hơn mức cần thiết. Điều này được thể hiện ở chỗ nhu cầu được tôn trọng cao trong quá trình giao tiếp với người lớn. Các em luôn đòi hỏi được bình đẳng, được tôn trọng, được đối xử như người lớn, được hợp tác, cùng hoạt động với người lớn. Nếu người lớn ra lệnh với các em thì bằng cách này hay khác, sẽ xuất hiện thái độ phản ứng tiêu cực, công khai hoặc ngầm ngầm. Mặt khác, các em có khát vọng được độc lập, được khẳng định, **không thích sự quan tâm, can thiệp của người lớn**, không thích có sự kiểm tra, sự giám sát chặt chẽ của người lớn trong cuộc sống và trong học tập, trong công việc riêng của các em. Nếu được thoả mãn những khát vọng, thiếu niên sung sướng, hài lòng thể hiện sự cố gắng vươn lên ở các em đã được công nhận, kích thích các hoạt động tích cực ở các em. Ngược lại, nếu khát vọng không được thoả mãn, sẽ nảy sinh ở thiếu niên nhiều phản ứng có tính chất đa dạng, mạnh mẽ, dẫn tới quan hệ không ổn, tạo nên xung đột trong quan hệ giữa thiếu niên với người lớn. Thiếu niên có thể cãi lại người lớn, bảo vệ quan điểm, ý kiến riêng bằng lời nói, việc làm, chống đối người lớn hoặc bỏ nhà ra đi... *Thứ hai:* trong quan hệ với người lớn, ở tuổi thiếu niên thường xuất hiện nhiều mâu thuẫn. Trước hết là *mâu thuẫn trong nhận thức và nhu cầu* của trẻ em. Do sự phát triển mạnh về thể chất và tâm lí, nên trong quan hệ với người lớn, thiếu niên có *nhu cầu và mong muốn thoát li* khỏi sự giám sát của người lớn, muốn độc lập. Tuy nhiên, do địa vị xã hội còn phụ thuộc và do chưa có nhiều kinh nghiệm ứng xử và giải quyết nhiều vấn đề liên quan trực tiếp tới hoạt động và tương lai cuộc sống, nên các em vẫn có *nhu cầu, mong muốn được người lớn gần gũi, chia sẻ* và định hướng cho mình; làm gương để mình noi theo. *Mâu thuẫn giữa sự phát triển nhanh, bất ổn định về thể chất, tâm lí và vị thế xã hội của trẻ em với nhận thức và hành xử của người lớn không theo kịp sự thay đổi đó.* Vì vậy, người lớn vẫn thường có thái độ và cách cư xử với các em như cư xử với trẻ nhỏ. *Thứ ba:* Trong tương tác với người lớn, thiếu niên có *xu hướng cường điệu hoá, “kịch hoá” các tác động của người lớn trong ứng xử hàng ngày.* Với cùng một tác động, trẻ em tuổi thiếu niên phản ứng khác so với tuổi nhi đồng và người trưởng thành. Các em thường suy diễn, thổi phồng, cường điệu hoá quá mức tầm quan trọng của các tác động đó, *đặc biệt là các tác động liên quan tới danh dự và lòng tự trọng của các em.* Trong khi đó, hành vi của chính các em có thể gây hậu quả đến tính mạng mình lại thường bị các em coi nhẹ. Vì vậy, chỉ cần một sự tác động của người lớn, làm tổn thương chút ít đến các em thì trẻ thiếu niên coi đó là sự xúc phạm lớn, sự tổn thất tâm hồn nghiêm trọng, từ đó dẫn đến các phản ứng tiêu cực với cường độ mạnh. Ngược lại, các em lại dễ dàng bỏ qua

các hành vi (của mình và của người khác) có thể gây hậu quả tiêu cực lớn đến tính mạng các em . *b. Các kiểu quan hệ của người lớn với trẻ em tuổi thiếu niên* Có hai kiểu ứng xử điển hình của người lớn trong quan hệ với trẻ em tuổi thiếu niên. *Kiểu ứng xử dựa trên cơ sở người lớn thấu hiểu sự biến đổi trong quá trình phát triển thể chất và tâm lý tuổi thiếu niên.* Từ đó có sự thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi phù hợp với sự phát triển tâm lý của các em và hoàn cảnh cụ thể. Trong kiểu ứng xử này, người lớn thường không cố chấp và cố giữ nguyên thái độ của mình như đối với trẻ nhỏ mà thường tôn trọng cá tính và sự phát triển của trẻ. Giữa người lớn và trẻ em có sự đồng cảm, **hợp tác theo tinh thần dân chủ**, đây là kiểu quan hệ người lớn - người bạn. Kiểu quan hệ này giảm sự xung khắc, mâu thuẫn, có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của trẻ.

18

Kiểu ứng xử dựa trên cơ sở người lớn vẫn coi các em tuổi thiếu niên là trẻ nhỏ, vẫn giữ thái độ ứng xử như với trẻ nhỏ. Trong kiểu ứng xử này, người lớn thường vẫn áp đặt tư tưởng, thái độ và hành vi đối với các em như đối với trẻ nhỏ. Quan hệ này thường chứa đựng mâu thuẫn và dễ dẫn đến xung đột giữa người lớn và trẻ em. Nguyên nhân là do người lớn không hiểu và đánh giá đúng sự thay đổi nhanh và mạnh sự phát triển *thể chất* và *tâm lý* của các em so với giai đoạn trước, đặc biệt là nhu cầu vươn lên để trở thành người lớn và cảm giác đã là người lớn của trẻ; sự không ổn định về trạng thái sức khoẻ thể chất và tâm lý của các em; không xác định đúng hoàn cảnh phát triển của các em và không đặt mình vào hoàn cảnh của các em trong giao tiếp.

Kiểu ứng xử này thường dẫn sự “đụng độ” giữa thiếu niên với người lớn về hai phía. Thiếu niên thì cho rằng người lớn không hiểu và không chịu hiểu, không tôn trọng các em, do đó các em khó chịu, phản ứng lại khi người lớn nhận xét khuyết điểm của mình và tìm cách xa lánh người lớn. Ngược lại, người lớn lại quá khắt khe với các em, tạo nên “hố ngăn cách” giữa hai bên. *Sự đụng độ có thể kéo dài tới khi người lớn thay đổi thái độ, cách ứng xử với thiếu niên.*

Sự mâu thuẫn, xung đột trong cách ứng xử của người lớn đối với trẻ thiếu niên thường dẫn đến hậu quả xấu, thậm chí nghiêm trọng đối với sự phát triển của các em. Sự rối nhiễu tâm lý, sự lệch chuẩn về hành vi và nhân cách của trẻ em tuổi thiếu niên phần lớn có căn nguyên từ mâu thuẫn trong quan hệ giữa người lớn với trẻ em lứa tuổi này. Để tránh xảy ra xung đột, *người lớn cần có sự hiểu biết nhất định về đặc điểm phát triển thể chất và tâm lý tuổi thiếu niên, đặc biệt là ảnh hưởng của dậy thì đến sự phát triển; nên đặt thiếu niên vào vị trí mới, vị trí của người cùng hợp tác, tôn trọng lẫn nhau.* Trong quan hệ với thiếu niên, người lớn cần thể hiện sự *tôn trọng và bình đẳng, tin tưởng* với thiếu niên; cần *gương mẫu, tế nhị* trong hành xử với các em. Đồng thời về phía trẻ em cũng cần phải được giáo dục để hiểu và đồng cảm hơn với bố mẹ.

Trong gia đình, nhà trường và trong cộng đồng, nếu người lớn biết “làm bạn” với các em thì quan hệ giữa người lớn và trẻ em tuổi thiếu niên sẽ rất tốt đẹp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lành mạnh tâm hồn trẻ em

3.4.3.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng

Ở tuổi thiếu niên, giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp với bạn đã trở thành một hoạt động riêng và chiếm vị trí quan trọng trong đời sống các em. Nhiều khi giá trị này cao đến mức đẩy lùi học tập xuống hàng thứ hai và làm sao nhãng cả trong giao tiếp với người thân.

Khác với giao tiếp với người lớn, trong đó thường diễn ra sự bất bình đẳng, giao tiếp của trẻ em tuổi thiếu niên với bạn ngang hàng là *hệ thống bình đẳng* và đã mang đặc trưng của quan

hệ xã hội giữa các cá nhân độc lập.

a. *Chức năng của giao tiếp với bạn ngang hàng ở tuổi thiếu niên. - Chức năng thông tin.* Việc giao tiếp với các bạn ngang hàng là một kênh thông tin rất quan trọng, thông qua đó các em nhận biết được nhiều thông tin mà người lớn không cho các em biết. Chẳng hạn, phần lớn thông tin về vấn đề giới tính thiếu niên thu nhận được từ các bạn cùng tuổi.

- *Chức năng học hỏi.* Nhóm bạn giúp thiếu niên phát triển các kỹ năng xã hội, khả năng lí luận, diễn tả cảm xúc. Đối thoại và tranh luận với bạn bè, thiếu niên học cách diễn tả ý nghĩ, cảm xúc, khả năng giải quyết vấn đề; học hỏi một cách thực tế việc biểu lộ tình cảm,

19

săn sóc, thương yêu, làm giảm đi những nóng giận và những xúc cảm tiêu cực. *Bạn bè làm cho thiếu niên tăng cường nhận định về giá trị đạo đức và các giá trị khác.* Trong nhóm bạn, thiếu niên phải tự đánh giá những giá trị của chính mình và của các bạn và quyết định hành động, ứng xử hợp lí, kịp thời. Quá trình đánh giá này có thể giúp thiếu niên lĩnh hội được những chuẩn mực, giá trị đạo đức của xã hội. - *Chức năng tiếp xúc xúc cảm.* Giao tiếp với bạn ngang hàng không chỉ để thiếu niên thu nhận thông tin, để học hỏi mà còn để trao đổi, tâm sự một cách “bí mật” những ước mơ, tình cảm lãng mạn, những vấn đề thầm kín liên quan đến tuổi dậy thì, thậm chí cả những vấn đề không rõ chủ đề, nhằm thoả mãn nhu cầu tiếp xúc xúc cảm. *Việc được gặp nhau hàng ngày để giải bày tâm sự, để trao đổi các sự kiện, các cảm nhận và các suy tư của mình là nhu cầu nổi trội của tuổi thiếu niên, là niềm hạnh phúc về mặt tình cảm và sự ổn định xúc cảm quan trọng đối với các em.* Việc có được sự tôn trọng, lắng nghe, đồng cảm, chia sẻ và yêu mến của bạn bè là điều có ý nghĩa quan trọng đối với lòng tự trọng của thanh, thiếu niên.

- *Chức năng thể hiện và khẳng định nhân cách cá nhân.*

Việc giao tiếp với bạn ngang hàng là cách tốt để thiếu niên thể hiện và khẳng định cá tính, tính cách, xu hướng và trí tuệ của mình. Giao tiếp với bạn khác giới đã giúp thiếu niên khẳng định sự trưởng thành về giới tính của mình. Cách ứng xử và thái độ của thiếu niên sẽ được phát triển trong quan hệ với bạn khác giới để chứng tỏ sự trưởng thành của bản thân.

- *Bạn bè giúp nâng cao lòng tự trọng của thiếu niên.* Nhóm bạn tốt thường tự hào về những điều họ đã làm. Lòng tự hào đúng lúc, đúng mức, niềm hạnh phúc vì có bạn đã làm lòng tự trọng của thiếu niên được nâng cao. *Giáo dục lẫn nhau thông qua bạn ngang hàng là một nét đặc thù trong quan hệ của thiếu niên với bạn.*

b. *Đặc điểm giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng.*

- *Nhu cầu giao tiếp với bạn ngang hàng phát triển mạnh.* Nếu tuổi tiểu học, giao tiếp với bạn chỉ để thoả mãn nhu cầu học tập thì đến tuổi thiếu niên giao tiếp với bạn đã trở thành nhu cầu cấp thiết, vì tuổi thiếu niên có xu hướng muốn tách khỏi người lớn, muốn có sự độc lập nhất định với người lớn, do trong quan hệ với người lớn các em ít được bình đẳng. Đây là lứa tuổi đang khao khát tìm một vị trí ở bạn bè, ở tập thể, muốn được

sự công nhận của bạn bè. **Các em cần** giao tiếp với bạn để khẳng định mình. Mong muốn có người bạn thân để chia sẻ, dãi bày tâm sự, vướng mắc, băn khoăn. Cần được trao đổi những nhận xét, tình cảm, ý nghĩ, tâm tư, những khó khăn của mình trong quan hệ với bạn, với người lớn cũng như môi quan hệ khác. Nhu cầu có bạn thân, bạn tin cậy ngày càng trở nên cấp bách với thiếu niên, đặc biệt với các em cuối cấp TRUNG HỌC CƠ SỞ. Người bạn thân được các em coi như “cái tôi thứ hai của mình”.

Trong cuộc sống hàng ngày, thiếu niên không thể không có bạn. Các em có những ảnh hưởng nặng

nè nếu quan hệ với bạn bị nghèo nàn hay các em không có bạn. Sự tẩy chay của bạn bè, của tập thể có thể thúc đẩy thiếu niên sửa chữa nhược điểm để được hoà nhập với bạn, cũng có thể khiến các em tìm kiếm và gia nhập nhóm bạn khác, hoặc nảy sinh các hành vi tiêu cực như phá phách, gây hấn. Người lớn cần lưu ý điều này, vì khi thiếu niên xa rời tập thể, kết bạn thành nhóm tự phát ngoài trường học có thể dẫn tới hậu quả đáng tiếc. Nhiều thiếu niên bị bạn xấu lôi kéo, quên việc học hành, lừa dối cha mẹ và giáo viên. Những

20

em này thường hiểu lầm tinh thần tự lực, quyền tự do để thoả mãn lòng tự ái, sống buông thả ngoài sự kiểm soát của cha mẹ, thầy cô giáo. Từ những ảnh hưởng xấu nhỏ đến những ảnh hưởng xấu lớn, các em dần trượt ra khỏi khuôn khổ bình thường của gia đình, nhà trường, xã hội và đây là nguyên nhân của thiếu niên phạm pháp, bụi đời. - *Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống độc lập và bình đẳng.*

Thiếu niên coi quan hệ với bạn là quan hệ riêng của mình; muốn được độc lập, không muốn người lớn can thiệp.

Trong quan hệ với bạn, vị thế của thiếu niên được bình đẳng, ngang hàng. Các em mong muốn bạn phải có thái độ tôn trọng, trung thực, cởi mở, hiểu biết và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Thiếu niên thích giao tiếp và kết bạn với những bạn học cùng lớp được nhiều người tôn trọng, dễ thông cảm, chia sẻ với bạn. Mọi vi phạm sự bình đẳng trong giao tiếp, trong quan hệ như kiêu căng, chơi trội, coi thường bạn v.v, thường bị nhóm bạn lên án và tẩy chay.

- *Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống yêu cầu cao và máy móc.* So với lứa tuổi nhỏ và cả các lứa tuổi sau này, quan hệ của tuổi thiếu niên được xây dựng trên cơ sở các chuẩn mực tình bạn cao và chặt chẽ. Thiếu niên yêu cầu rất cao về phía bạn cũng như bản thân. *Các phẩm chất tâm lí được thiếu niên đặc biệt coi trọng là các phẩm chất liên quan trực tiếp tới sự kết bạn* như sự tôn trọng, bình đẳng, trung thực, trung thành, dám hi sinh quyền lợi của mình vì bạn v.v. Vì vậy, các em thường phê phán, lên án các thái độ và hành vi từ chối giúp bạn, ích kỉ, tham lam, tự phụ, phô trương thành tích, hay nói xấu bạn, nịnh bợ... Ngoài những phẩm chất trên, thiếu niên cũng coi trọng các phẩm chất liên quan tới các thành tích trong học tập và tu dưỡng của bạn như sự thông minh, chăm chỉ, kiên trì, làm việc có **nguyên tắc, phương pháp, nhiệt tình và có trách nhiệm đối với công việc chung của nhóm v.v.**

Điều đáng lưu ý là các yêu cầu về chuẩn mực trong tình bạn của tuổi thiếu niên về cơ bản phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và là cơ sở của lí tưởng đạo đức xã hội đang hình thành và phát triển ở tuổi thiếu niên. Người lớn, nhất là thầy cô giáo và cha mẹ cần khuyến khích các em duy trì và phát triển các chuẩn mực này. Đồng thời cần thường xuyên quan tâm, giúp đỡ các em tránh sự *cường điệu hoá, tuyệt đối hoá* các chuẩn mực đó trong ứng xử hàng ngày, cũng như tránh sự ngộ nhận những phẩm chất này với các nhận thức, thái độ và hành vi không phù hợp như sự bướng bỉnh trước người lớn, sự bao che khuyết điểm, a dua với nhóm bạn cùng làm việc tiêu cực vì “lời hứa danh dự” v.v.

+ *Sắc thái giới tính trong quan hệ với bạn ở thiếu niên*

Sự dậy thì đã kích thích thiếu niên quan tâm đến bạn khác giới. Tự ý thức phát triển giúp thiếu niên nhận ra đặc điểm giới tính của mình, ở các em đã xuất hiện những rung động, cảm xúc mới lạ với bạn khác giới.

Nếu học sinh tiểu học không thích hoặc ít chơi với bạn khác giới thì thiếu niên lại tò mò, quan tâm hơn trong giao tiếp với bạn khác giới. Tình bạn giữa các em trai và gái

thường nảy sinh ở những lớp cuối cấp (lớp 8, lớp 9) và sự gắn bó giữa các em có thể sâu sắc. Sự quan tâm đến bạn khác giới có ý nghĩa đối với sự phát triển nhân cách thiếu niên. Có thể động viên những khả năng của thiếu niên, gợi nên những nguyện vọng tốt, cùng thi đua học tập, làm những việc có ích, giúp đỡ, bảo vệ lẫn nhau...

Trong giao tiếp với bạn khác giới, thiếu niên cũng thể hiện mâu thuẫn giữa ý

21

muốn, nhu cầu với hành vi thể hiện (có nhu cầu giao tiếp với bạn khác giới nhưng lại cố ngụy trang ý muốn của mình với những hành vi không tương ứng, che giấu nội tâm của mình).

Cách thể hiện với bạn khác giới của các em nam khác với nữ.

Các em nam thể hiện khá mạnh mẽ, đôi khi còn gây sự với bạn nữ để bạn chú ý đến mình. Các em nữ thường kín đáo, tế nhị hơn (các em gái thường chú ý đến hình thức của mình, trang phục, cách ứng xử, hay che giấu tình cảm của mình trước bạn khác giới...). Ở những lớp cuối cấp TRUNG HỌC CƠ SỞ, thiếu niên, đặc biệt các em nữ hay quan sát và trao đổi với nhau về những quan hệ giữa các bạn khác giới trong lớp học. Tuy hành vi bề ngoài có vẻ khác nhau nhưng thiếu niên đều có hiện tượng tâm lí giống nhau: quan tâm đặc biệt hơn đến bạn khác giới và mong muốn thu hút được tình cảm của bạn khác giới.

Trong tình bạn khác giới, các em vừa hồn nhiên, trong sáng, vừa có vẻ thận trọng, kín đáo, có ý thức rõ rệt về giới tính của bản thân. Tình cảm này nhiều khi chỉ thoáng qua, nhưng cũng có trường hợp khá bền vững, cũng có thể có sóng gió, rồi lại ổn định dần và để lại nhiều kỉ niệm sâu sắc. Nếu gặp ảnh hưởng không thuận lợi, các em dễ bị sa vào tình cảm quá sớm, không có lợi cho việc phát triển bình thường của nhân cách. Trong trường hợp này, cha mẹ, thầy cô giáo phải rất bình tĩnh, giúp thiếu niên giải quyết những khó khăn khi **gặp phải. Nhìn chung nên tổ chức các hoạt động tập thể có ích, phong phú để giúp trẻ hiểu biết** lẫn nhau, quan tâm tới nhau một cách vô tư, trong sáng.

Tóm lại giao tiếp của tuổi thiếu niên là sự kiện tâm lí đặc thù trong sự phát triển của lứa tuổi này. Sự phát triển giao tiếp của thiếu niên nói lên bước quá độ từ giao tiếp của trẻ con sang giao tiếp của thanh niên và của người trưởng thành. Quá trình giao tiếp của thiếu niên diễn ra phức tạp, có nhiều yếu tố đan xen. Trong đó diễn ra sự thay đổi quan hệ qua lại giữa thiếu niên với người lớn, đặc biệt với cha mẹ. Trong giao tiếp với người lớn có thể nảy sinh những khó khăn, xung đột do thiếu niên chưa xác định đầy đủ giữa mong muốn về vị trí và khả năng của mình. *Trong giao tiếp, thiếu niên định hướng đến bạn bè rất mạnh mẽ.* Giao tiếp với bạn đã trở thành hoạt động độc lập, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống và có ý nghĩa thiết thực đối với sự phát triển nhân cách của thiếu niên.

3.5. Sự phát triển nhận thức của tuổi thiếu niên

3.5.1. Sự phát triển cấu trúc nhận thức

Điểm đặc trưng trong sự phát triển cấu trúc nhận thức của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ là sự hình thành và phát triển các tri thức lí luận, gắn với các mệnh đề. Nếu học sinh Tiểu học hình thành và phát triển các khái niệm khoa học trên cơ sở các hành động vật chất với các sự vật cụ thể thì ở học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ đã hình thành và phát triển các khái niệm khoa học có tính khái quát dựa trên khả năng suy luận logic. Suy nghĩ và sự hình thành các tri thức không còn bị ràng buộc chặt chẽ vào các sự việc được quan sát trong môi trường mà áp dụng các phương pháp lôgic. Các cấu trúc nhận thức này được các em thu nhận thông qua việc học tập các môn khoa học trong nhà trường: Toán, Vật lí,

Hoá học, Giáo dục công dân v.v.

3.5.2. Sự phát triển các hành động nhận thức

3.5.2.1. Sự phát triển tri giác.

22

Ở thiếu niên khối lượng các đối tượng tri giác được tăng rõ rệt. Tri giác của thiếu niên có trình tự, có kế hoạch và hoàn thiện hơn. Các em có khả năng phân tích và tổng hợp phức tạp hơn khi tri giác sự vật, hiện tượng. Thiếu niên đã sử dụng hệ thống thông tin cảm tính linh hoạt, tùy thuộc vào nhiệm vụ của tư duy. Khả năng quan sát phát triển, trở thành thuộc tính ổn định của cá nhân.

Tuy nhiên tri giác ở các em còn một số hạn chế: thiếu kiên trì, còn vội vàng, hấp tấp trong tri giác, tính tổ chức, tính hệ thống trong tri giác còn yếu. Vì vậy, giáo viên cần rèn luyện cho thiếu niên khả năng quan sát qua các giờ giảng lí thuyết, các giờ thực hành, các sinh hoạt tập thể, các hoạt động thể dục thể thao, tham quan, dã ngoại...

3.5.2.2. Trí nhớ của thiếu niên

Ghi nhớ có ý nghĩa, ghi nhớ logic đang dần được chiếm ưu thế hơn ghi nhớ máy móc. Trong khi tái hiện tài liệu, học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ đã biết dựa vào logic của vấn đề nên nhớ chính xác và lâu hơn.

Các em có khả năng sử dụng các loại trí nhớ một cách hợp lí, biết tìm ra các phương pháp ghi nhớ, nhớ lại thích hợp, có hiệu quả, biết phát huy vai trò của tư duy trong các quá trình ghi nhớ. Như vậy, kĩ năng tổ chức **hoạt động tư duy của thiếu niên để ghi nhớ tài liệu**, kĩ năng nắm vững những phương tiện ghi nhớ được phát triển ở mức độ cao hơn nhiều so với học sinh Tiểu học.

Tuy nhiên, ghi nhớ của thiếu niên cũng còn thiếu sót: Các em thường bị mâu thuẫn trong việc ghi nhớ, mặc dù có khả năng ghi nhớ ý nghĩa song các em vẫn tùy tiện trong ghi nhớ, khi gặp khó khăn lại từ bỏ ghi nhớ có ý nghĩa.

Các em chưa hiểu đúng vai trò của ghi nhớ máy móc, coi đó là học vẹt nên coi thường loại ghi nhớ này, các em không được tài liệu chính xác. Vì vậy, giáo viên cần giúp các em phát triển cả hai loại ghi nhớ trên.

3.5.2.3. Sự phát triển chú ý của thiếu niên

Ở thiếu niên, chú ý có chủ định được tăng cường hơn so với tuổi tiểu học. Các phẩm chất chú ý của thiếu niên mang nội dung mới. Sức tập trung chú ý cao hơn, khối lượng chú ý nhiều hơn, khả năng di chuyển được tăng cường rõ rệt, khả năng duy trì chú ý được lâu bền hơn so với học sinh Tiểu học.

Chú ý của các em thể hiện tính lựa chọn rất rõ. Sự lựa chọn phụ thuộc vào tính chất của đối tượng và hứng thú của thiếu niên đối với nó.

Tuy nhiên, trong sự phát triển chú ý của thiếu niên cũng có mâu thuẫn: Một mặt, chú ý có chủ định của các em phát triển mạnh, mặt khác, những ấn tượng và rung động mạnh mẽ, phong phú lại làm cho sự chú ý của các em không bền vững. Điều này phụ thuộc vào hứng thú nhận thức, vào tài liệu cần lĩnh hội, vào tâm trạng, thái độ của các em trong giờ học. Bởi vậy, giáo viên cần tổ chức giờ học sao cho có nội dung, đòi hỏi học sinh phải tích cực hoạt động, tích cực suy nghĩ, tham gia xây dựng bài...

3.5.2.4. Tư duy của thiếu niên

Chuyển từ tư duy cụ thể sang trừu tượng là nét đặc thù trong sự phát triển tư duy của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ. Tuy nhiên, ở đầu cấp TRUNG HỌC CƠ SỞ, thành phần của tư duy cụ thể vẫn phát triển và giữ vai trò quan trọng trong cấu trúc tư duy. Sang

các lớp cuối cấp, tư duy trừu tượng của thiếu niên phát triển mạnh. Các em có khả năng phân tích tài liệu tương đối đầy đủ, sâu sắc, biết phân tích các yếu tố bản chất, những mối liên hệ, quan hệ của tài liệu.

23

Khả năng khái quát hoá, trừu tượng hóa ở thiếu niên phát triển, các em biết thâm tòm những đặc điểm chung, bản chất của nhiều sự vật, hiện tượng, biết trừu xuất những yếu tố không bản chất để lĩnh hội khái niệm. Khả năng suy luận của thiếu niên tương đối hợp lí và có cơ sở sát thực. Khác với học sinh nhỏ, thiếu niên phân tích nhiệm vụ trí tuệ bằng cách tạo ra những giả định khác nhau, những liên hệ giữa chúng và kiểm tra những giả thuyết này. Các em phát triển kĩ năng sử dụng những giả thuyết để giải quyết các nhiệm vụ trí tuệ trong việc phân tích hiện thực. Tư duy bằng những giả định là công cụ đặc biệt của suy luận khoa học.

Thiếu niên muốn độc lập lĩnh hội tri thức, muốn giải quyết bài tập, nhiệm vụ theo những quan điểm, lập luận, cách diễn đạt riêng, không thích trả lời máy móc như học sinh Tiểu học.

Các em không dễ tin, không dễ chấp nhận ý kiến người khác, muốn tranh luận, chứng minh vấn đề một cách sát thực, rõ ràng, thậm chí đôi khi muốn phê phán những kết luận, những phán đoán của người khác.

Thiếu niên thích tìm hiểu những vấn đề mang tính chất phức tạp, khó khan cao trong tư duy, không thích các tri thức khuôn mẫu, bày sẵn. Các em muốn tham gia các hoạt động giải trí cần sử dụng khả năng trí tuệ và thích những vấn đề có tính phản đề. Tuy nhiên, mức độ và chất lượng tư duy trừu tượng không được hình thành như nhau ở mọi thiếu niên.

Có những học sinh thuộc bài nhưng không hiểu bài (nắm khái niệm lí luận rất khó, nếu không dựa vào dữ kiện cảm tính, kinh nghiệm thì khó nắm được tài liệu). Ngược lại, có nhiều em nắm chắc lí luận, khái niệm mang tính chất khái quát nhưng coi thường thực tiễn, do đó khái niệm thoát li khỏi thực tiễn.

Sự hình thành tính độc lập và sáng tạo là một đặc điểm quan trọng trong sự phát triển tư duy của thiếu niên.

Trên thực tế, tư duy của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ còn bộc lộ một số hạn chế: một số em nắm dấu hiệu bề ngoài của khái niệm khoa học dễ hơn các dấu hiệu bản chất của nó; các em hiểu dấu hiệu bản chất của khái niệm nhưng không phải lúc nào cũng phân biệt được các dấu hiệu đó trong mọi trường hợp; hay gặp khó khăn trong khi phân tích mối liên hệ nhân quả v.v. Ngoài ra đối với một số thiếu niên, hoạt động nhận thức chưa trở thành hoạt động độc lập, tinh thần kiên trì trong học tập còn yếu. Các em thích học nhanh nhưng ngại suy nghĩ, không có nhu cầu tìm hiểu vấn đề phức tạp, chỉ thích những vấn đề nhanh chóng đưa lại kết quả.

Từ những đặc điểm trên, giáo viên cần chú ý phát triển tư duy trừu tượng cho thiếu niên để làm cơ sở cho việc lĩnh hội khái niệm khoa học trong học tập. Hướng dẫn các em những biện pháp rèn luyện kĩ năng suy nghĩ độc lập, có phê phán.

3.5.2.5. Sự phát triển trí tưởng tượng và ngôn ngữ của thiếu niên

Khả năng tưởng tượng ở thiếu niên khá phong phú nhưng còn bay bổng, thiếu thực tiễn. Ngôn ngữ của thiếu niên đang phát triển mạnh. Vốn từ tăng lên rõ rệt. Ngôn ngữ của các em phức tạp hơn, từ vựng phong phú hơn, tính hình tượng và trình độ logic chặt chẽ trong ngôn ngữ của thiếu niên phát triển ở mức cao hơn so với học sinh Tiểu học. Tuy nhiên, ngôn ngữ của thiếu niên cũng còn hạn chế: khả năng dùng từ để biểu đạt ý nghĩ còn hạn chế, các em còn dùng từ chưa chính xác, chưa chú ý cách diễn đạt theo cấu trúc ngữ pháp chặt chẽ. Một số em thích dùng từ cầu kì, bóng

bấy nhưng sáo rỗng do ý muốn bắt chước người lớn, hoặc sử dụng một số thành ngữ dung tục.

3.6. Sự phát triển nhân cách của thiếu niên

3.6.1. Đời sống tình cảm của thiếu niên

So với học sinh nhỏ, tình cảm của thiếu niên có nhiều thay đổi cả về nội dung và hình thức biểu hiện.

Về nội dung

Tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ, tình cảm thẩm mỹ ở thiếu niên đang phát triển mạnh. Tình cảm của học sinh TRUNG HỌC CƠ SỞ phát triển và đã phục tùng lí trí. Tình cảm gia đình, tình cảm bạn bè, tình **đồng chí, tình cảm tập thể ở lứa tuổi** này đều được phát triển mạnh.

Trong tình cảm trí tuệ, những rung cảm liên quan đến nhu cầu khám phá, phát hiện cái mới, liên quan đến nhu cầu nhận thức được phát triển, được mở rộng vượt ra ngoài phạm vi trường học. Tình cảm thẩm mỹ, quan niệm về cái đẹp của thiếu niên phong phú, sâu sắc hơn học sinh Tiểu học. Nhiều em đã có những tác phẩm sáng tác về thơ văn, hội họa, biểu lộ tình cảm với cái đẹp của mình trong cuộc sống.

Về hình thức biểu hiện

Đặc điểm cơ bản của đời sống tình cảm thiếu niên là những cảm xúc và tình cảm ở các em dễ bị mâu thuẫn nhau, những trạng thái cảm xúc tích cực và tiêu cực thay thế nhau. Xúc cảm, tình cảm của thiếu niên có cường độ khá mạnh, thường theo hướng xung động, quyết liệt (phản ứng quyết liệt khi trong quan hệ với người khác không đạt được kết quả mong muốn). Trạng thái tinh thần nói chung của thiếu niên chưa ổn định, thất thường, dễ vui, dễ buồn vô cớ...

Như vậy, ở thiếu niên tình cảm đã được phát triển phong phú, sâu sắc hơn học sinh nhỏ. Tình cảm của các em luôn hướng thiện. Các em rất chú ý đến thể giới tinh thần. Lứa tuổi này đang phát triển mạnh mẽ về tình cảm đạo đức, tình cảm tập thể, đặc biệt là tình bạn. *Một số lưu ý khi giáo dục tình cảm cho thiếu niên :*

Trong việc giáo dục tình cảm cho thiếu niên, cần tránh những cơn xúc động mạnh, tránh những ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ của các em (do cơ thể thiếu niên đang có sự mất cân đối giữa các mặt trong sự phát triển).

Có thể có mâu thuẫn trong quan hệ giữa thiếu niên và người lớn. Người lớn cần tôn trọng những mong muốn độc lập, quyền bình đẳng của thiếu niên. Nếu bị chế giễu, thiếu niên sẽ “co mình” lại, ngại không muốn giao tiếp với người khác, đời sống tinh thần của các em sẽ nghèo nàn. “Đừng dập tắt ngọn lửa đang bùng cháy trong tim thiếu niên”.

Thiếu niên ít bộc lộ tình cảm thành thật như nhi đồng, các em có khả năng che dấu những biểu hiện tình cảm của mình. Người lớn (cha mẹ, giáo viên) nên ân cần, cởi mở với thiếu niên để các em có thể bộc lộ tình cảm thực và dễ đồng cảm với người khác.

Người lớn cần tôn trọng tình cảm của thiếu niên, không nên có những hành vi thô bạo ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các em. Mặt khác, người lớn cũng cần tổ chức và hướng dẫn, giúp đỡ để thiếu niên có đời sống tình cảm lành mạnh, phong phú.

3.6.2. Sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức

*Câu tạo mới trung tâm và đặc trưng trong nhân cách thiếu niên là sự nảy sinh ở các em cảm giác về sự **trưởng thành, cảm giác mình là người lớn. Cảm giác về sự trưởng thành là cảm giác độc đáo của lứa tuổi thiếu niên.***

Những biến đổi về thể chất cũng như trong hoạt động học tập và sự biến đổi về vị thế của thiếu niên trong gia đình, nhà trường, xã hội... đã tác động đến thiếu niên, làm các em nảy sinh nhận thức mới. Đó là nhận thức về sự trưởng thành của bản thân, xuất hiện “*cảm giác mình đã là người lớn*”. Thiếu niên cảm thấy mình không còn là trẻ con nữa; các em cũng cảm thấy mình chưa thực sự là người lớn nhưng sẵn sàng muốn trở thành người lớn.

“Cảm giác mình đã là người lớn” được thể hiện phong phú về nội dung và hình thức: Các em quan tâm đến hình thức bên ngoài, đến tác phong, cử chỉ rồi đến những phẩm chất tâm lí bên trong, đến khả năng của mình.

Trong hoạt động học tập, thiếu niên muốn được độc lập lĩnh hội tri thức, muốn có quan điểm và lập luận riêng, muốn diễn đạt suy nghĩ, ý kiến theo cách của mình. Trong phạm vi ý thức xã hội các em muốn được độc lập, không phụ thuộc người lớn.

Sự hình thành tự ý thức là một trong những đặc điểm đặc trưng trong sự phát triển nhân cách của thiếu niên. Mức độ phát triển về chất của tự ý thức sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống tâm lí của thiếu niên, đến tính chất hoạt động của thiếu niên cũng như việc hình thành mối quan hệ của thiếu niên với những người khác. Trên cơ sở nhận thức và đánh giá được mình, các em mới có khả năng điều khiển, điều chỉnh hoạt động của bản thân cho phù hợp với yêu cầu khách quan, mới giữ được quan hệ, giữ được vị trí xứng đáng trong xã hội, trong lớp học, trong nhóm bạn.

Tự ý thức được hình thành từ trước tuổi thiếu niên. Khi bước vào tuổi thiếu niên, các em đã được học tập và hoạt động tập thể, tích lũy kinh nghiệm, tri thức và kĩ năng hoạt động nhất định. Chính những điều đó tạo tiền đề cho sự phát triển tự ý thức của thiếu niên, giúp cho các em phát triển tự ý thức một cách mạnh mẽ.

Khi vào tuổi thiếu niên, do sự đột biến của cơ thể ở tuổi dậy thì, trước hoàn cảnh học tập mới, đặc biệt do sự phát triển các mối quan hệ xã hội, sự giao tiếp trong tập thể mà ở thiếu niên xuất hiện nhu cầu *quan tâm đến nội tâm của mình*, đến những phẩm chất nhân cách riêng, xuất hiện *nhu cầu tự đánh giá*, so sánh mình với người khác. Điều này khiến thiếu niên muốn xem xét lại mình, muốn tỏ thái độ mới về mình. Các em mở ra những dự định hoạt động tương ứng nhằm vươn lên làm người lớn. Các em cho rằng mình không thua kém người lớn, có quyền hạn và hoạt động như người lớn (ăn, mặc, vui chơi giải trí...). Các em tích cực rèn luyện, phấn đấu, tu dưỡng để đạt được như người lớn. Có nhu cầu tự khẳng định mình trước người lớn, biểu hiện ở chỗ: các em luôn ý thức rằng, mình có đủ khả năng để tự quyết, để độc lập.

Nội dung tự ý thức của thiếu niên

Thiếu niên quan tâm trước tiên đến nhận thức về bản thân, về bề ngoài: quần áo, đầu tóc, phong cách ứng xử... Các em lo lắng, bận tâm về dáng vẻ bề ngoài vụng về, lóng ngóng của mình. Thiếu niên bắt đầu phân tích có chủ định những đặc điểm về trạng thái và những phẩm chất tâm lí, về tính cách của mình, về thế giới tinh thần nói chung. Các em quan tâm **đến những cảm xúc mới**, tự phê phán những tình cảm mới của mình, chú ý đến khả năng, năng lực của mình, hình thành một hệ thống nguyện vọng, các giá trị hướng tới người lớn. Các em cố gắng bắt chước người lớn về mọi phương diện (về bề ngoài cũng như cách ứng xử... của người lớn).

Thiếu niên quan tâm nhiều đến việc tìm hiểu mối quan hệ người - người (đặc biệt là quan hệ nam - nữ); quan tâm đến việc thể nghiệm những rung cảm mới, khao khát tình bạn

mạng động cơ mới để tự khẳng định, tìm chỗ đứng của mình trong nhóm bạn, trong tập thể; muốn được bạn bè yêu mến.

Mức độ tự ý thức của thiếu niên

Không phải toàn bộ những phẩm chất nhân cách đều được thiếu niên ý thức cùng một lúc. Bước đầu, các em nhận thức được dáng vẻ bề ngoài, hành vi của mình. Tiếp đến là nhận thức các phẩm chất đạo đức, tính cách và năng lực của mình trong các phạm vi khác nhau (những phẩm chất liên quan đến học tập: chú ý, kiên trì...), rồi đến những phẩm chất thể hiện thái độ với người khác (tình thương, tình bạn, tính vị tha, sự ân cần, cởi mở...), tiếp đến là những phẩm chất thể hiện thái độ đối với bản thân (khiêm tốn, nghiêm khắc với bản thân hay khoe khoang, dễ dãi...), cuối cùng là những phẩm chất phức tạp, thể hiện mối quan hệ nhiều mặt của nhân cách (tình cảm trách nhiệm, lương tâm, danh dự...).

Một nét đặc trưng cơ bản trong tâm lí thiếu niên là sự mâu thuẫn giữa một bên có tính chất quá độ (giữa thiếu niên - người lớn) với tự ý thức phát triển mạnh mẽ. Từ mâu thuẫn cơ bản này có thể dẫn đến một số mâu thuẫn khác: Mâu thuẫn giữa ý muốn cao với trình độ hiểu biết, khả năng còn hạn chế; giữa cường độ mạnh mẽ của hành động với sự bền vững trong hoạt động của thiếu niên. Các em vẫn thấy còn yếu, kém nhưng không muốn bị giáo dục, không muốn bị người lớn coi thường.

Khả năng đánh giá và tự đánh giá của thiếu niên

Nhu cầu nhận thức bản thân của thiếu niên phát triển mạnh, các em có xu thế độc lập đánh giá bản thân. Nhưng khả năng tự đánh giá của thiếu niên chưa tương xứng với nhu cầu đó (kĩ năng phân tích đúng đắn những biểu hiện nhân cách chưa phát triển đầy đủ, tầm hiểu biết của các em về bản thân chưa đủ khách quan). Do đó có thể có mâu thuẫn giữa mức độ kì vọng của các em với thái độ của những người xung quanh đối với mình. Nhìn chung thiếu niên thường tự thấy chưa hài lòng về bản thân.

Về cách thức: ban đầu đánh giá của thiếu niên còn dựa vào đánh giá của những người khác, đặc biệt là người có uy tín, gần gũi với các em. Dần dần các em sẽ hình thành khả năng độc lập phân tích và đánh giá bản thân. Thiếu niên thường đánh giá bản thân khi so sánh mình với những bạn cùng tuổi mà các em yêu thích.

Sự tự đánh giá của thiếu niên thường có xu hướng cao hơn hiện thực, trong khi người lớn lại đánh giá thấp khả năng của thiếu niên. Do đó có thể dẫn tới không thuận lợi trong quan hệ giữa thiếu niên và người lớn. Thiếu niên rất nhạy cảm đối với sự đánh giá của người khác (đặc biệt về những khả năng, về sự thành công hay thất bại của các em). Bởi vậy, để **giúp thiếu niên phát triển khả năng tự đánh giá**, người lớn nên công bằng đối với thiếu niên để các em thấy được những ưu, khuyết điểm của mình, biết cách sửa chữa, phấn đấu và các em sẽ tự đánh giá bản thân phù hợp hơn.

Cùng với tự đánh giá, khả năng đánh giá những người khác cũng phát triển mạnh ở thiếu niên. Đánh giá người khác thường dễ hơn, đầy đủ và đúng hơn tự đánh giá bản thân. Trong đánh giá người khác, thiếu niên rất nhạy cảm khi quan sát, đánh giá, đặc biệt đối với cha mẹ, giáo viên. Trong quan hệ với bạn, thiếu niên rất quan tâm đến việc đánh giá những phẩm chất nhân cách của người bạn. Sự đánh giá này thường được thể hiện một cách kín đáo, bí mật, khất khe.

Qua sự đánh giá người khác, thiếu niên có thể tìm được hình mẫu lí tưởng để phấn đấu, noi theo.

Động lực thúc đẩy sự phát triển tự ý thức của thiếu niên là nhu cầu về vị trí của các em trong gia đình, xã hội; nhu cầu muốn có vị trí trong nhóm bạn, muốn được sự tôn trọng, yêu mến của bạn bè.

Thái độ đối với nghề nghiệp tương lai là một biểu hiện mới trong sự phát triển tự ý thức, phát triển nhân cách của thiếu niên, nhất là thiếu niên trong xã hội hiện đại. Học sinh Tiểu học cũng có những ước mơ về nghề nghiệp nhưng chỉ là những ước mơ trẻ con, thiếu tính hiện thực. Thiếu niên (đặc biệt các em học sinh lớp 9) bắt đầu lo lắng, suy nghĩ đến nghề nghiệp một cách hiện thực hơn. Một số em đã chú ý thu thập những thông tin và trao đổi, bàn luận với bạn thân về nghề các em quan tâm.

Thái độ đối với nghề nghiệp tương lai đã làm cho thiếu niên có thay đổi trong học tập, tập trung thời gian, sức lực cho những môn học có liên quan đến nghề sẽ chọn. Thái độ với nghề tương lai cũng giúp cho tự ý thức của thiếu niên phát triển, các em có trách nhiệm hơn đối với việc học tập của mình, tích cực hơn trong việc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

Tự đánh giá của thiếu niên còn có nhiều hạn chế:

Các em nhận thức và đánh giá được các mẫu hình nhân cách trong xã hội nhưng chưa biết rèn luyện để có được nhân cách theo mẫu hình đó.

Thiếu niên có thái độ đánh giá hiện thực khách quan rất thẳng thắn, mạnh mẽ, chân thành và dứt khoát nhưng chưa biết phân tích mặt phức tạp của đời sống và trong quan hệ xã hội.

Trong quá trình cùng hoạt động với bạn bè, tập thể, sự đánh giá của người khác cùng với khả năng thực sẽ giúp thiếu niên thấy được sự chưa hoàn thiện của mình. Điều này giúp các em phấn đấu, rèn luyện để tự phát triển bản thân theo mẫu hình đã lựa chọn. **Sự tự giáo dục**

Do khả năng đánh giá và tự đánh giá phát triển, thiếu niên đã hình thành một phẩm chất nhân cách quan trọng là *sự tự giáo dục*. Ở những thiếu niên lớn, xuất hiện thái độ đối với sự tiến bộ của bản thân, thái độ kiểm tra bản thân, các em chưa hài lòng nếu chưa thực hiện được những nhiệm vụ, những kế hoạch đã đặt ra. Các em tự tác động đến bản thân, tự giáo dục ý chí, tự tìm tòi những chuẩn mực nhất định, tự đề ra những mục đích, nhiệm vụ cụ thể để xây **dựng mẫu hình cho bản thân trong hiện tại và tương lai.**

Điều này có ý nghĩa lớn lao ở chỗ, nó thúc đẩy thiếu niên bước vào một giai đoạn mới. Kể từ tuổi thiếu niên trở đi, khả năng tự giáo dục của các em phát triển, các em không chỉ là khách thể của sự giáo dục mà còn là chủ thể của sự giáo dục. Nếu được động viên khuyến khích và hướng dẫn thì tự giáo dục của thiếu niên sẽ hỗ trợ cho giáo dục của nhà trường và gia đình, làm cho giáo dục có kết quả thực sự.

3.6.3. Sự phát triển hứng thú của thiếu niên

So với học sinh nhỏ, hứng thú của thiếu niên phát triển mạnh hơn cả về chiều rộng và chiều sâu.

Thiếu niên tích cực trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở các em có sự phát triển và mở rộng phạm vi các hứng thú ra ngoài phạm vi học tập trong nhà trường: hứng thú đọc sách, phim ảnh, ca nhạc, thể thao, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội v.v một số em bước đầu có hứng thú nghề nghiệp.

Hứng thú của thiếu niên thể hiện thái độ tích cực của các em đối với hiện thực khách quan và thúc đẩy tính tích cực của các em trong học tập, trong các hoạt động rèn luyện và hoạt động xã hội. Tuy nhiên, hứng thú của thiếu niên còn một số hạn chế: Hứng thú còn mang tính chất tản mạn, chưa ổn định, chưa sâu sắc, chưa bền vững, dễ thay đổi. Hứng thú của thiếu niên chủ yếu thiên về hoạt động thực tiễn, có tính chất kỹ thuật đơn giản. Hứng thú của các em đôi khi mang tính chất bay bổng, thiếu thực tiễn, mong muốn được hoạt động ở nhiều lĩnh vực nhưng không quan tâm đến khả năng để đạt được hoạt động đó. Do đó cần giáo dục để các em duy trì được hứng thú và kiên trì làm việc để đạt

mục đích (đến kết quả cuối cùng).

3.6.4. Sự hình thành đạo đức của thiếu niên *Tuổi thiếu niên là tuổi hình thành thế giới quan, lí tưởng, niềm tin đạo đức, những phán đoán giá trị...*

Đạo đức đã bắt đầu được hình thành ở học sinh Tiểu học. Trong quá trình học tập ở bậc Tiểu học, các em đã tiếp thu được các chuẩn mực và quy tắc hành vi đạo đức một cách hệ thống. Nhưng đến tuổi thiếu niên, do sự mở rộng các quan hệ xã hội, do sự phát triển của tự ý thức, đạo đức của các em được phát triển mạnh mẽ.

Do trí tuệ và tự ý thức phát triển, thiếu niên đã biết sử dụng các nguyên tắc riêng, các quan điểm, sáng kiến riêng để chỉ đạo hành vi. Điều này làm cho thiếu niên khác hẳn học sinh Tiểu học, chủ yếu hành động theo chỉ dẫn trực tiếp của người lớn. Trong sự hình thành và phát triển đạo đức ở thiếu niên thì tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, nghị lực... ở các em thay đổi nhiều so với trẻ nhỏ.

Cùng với sự phát triển của tự ý thức, với nguyện vọng vươn lên làm người lớn, *ý chí của thiếu niên có những thay đổi* và mang màu sắc mới. Các phẩm chất ý chí của thiếu niên được phát triển mạnh hơn học sinh Tiểu học (tính độc lập, sáng tạo, kiên quyết, dũng cảm...)

Thiếu niên thường coi việc giáo dục ý chí, tự tu dưỡng như một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của bản thân, đặc biệt với các em nam. Thiếu niên đánh giá cao các phẩm chất ý chí như kiên cường, tinh thần vượt khó, **kiên trì làm việc đến mục đích cuối cùng**. Tuy nhiên, không phải lúc nào các em cũng hiểu đúng các phẩm chất ý chí. Nhiều em không rõ sự khác nhau giữa bướng bỉnh với kiên trì, táo bạo, liều lĩnh với can đảm, dũng cảm... Một số em đôi khi còn tỏ ra thiếu bình tĩnh, thô lỗ trong ứng xử với người lớn, với bạn bè (thường thể hiện trong hành vi, cử chỉ, trong ngôn ngữ). Bởi vậy người lớn cần giúp thiếu niên hiểu rõ những phẩm chất ý chí và định hướng rèn luyện, phấn đấu theo những phẩm chất ý chí tích cực.

Trong giáo dục đạo đức cho học sinh cần chú ý đến sự hình thành những cơ sở đạo đức. Vì đôi khi trong ý thức của thiếu niên có thể hình thành những khái niệm và niềm tin đạo đức mâu thuẫn với nhận thức và niềm tin mà nhà giáo dục muốn hình thành cho các em.

Các công trình nghiên cứu đã cho thấy, nhìn chung trình độ nhận thức đạo đức của thiếu niên là cao. Các em hiểu rõ những khái niệm đạo đức vừa sức đối với tuổi các em. Chẳng hạn, các em hiểu được tính trung thực, kiên trì, dũng cảm, tính độc lập...

Tuy nhiên, một số kinh nghiệm và khái niệm đạo đức của thiếu niên được hình thành tự phát ngoài sự hướng dẫn của giáo dục (do hiểu không đúng về các sự kiện trong sách báo, phim ảnh hay xem những sách báo, những phim không phù hợp với lứa tuổi, hoặc do ảnh hưởng của bạn bè xấu...). Do đó thiếu niên có thể có những ngộ nhận, hiểu biết phiến diện, không chính xác về một số khái niệm đạo đức, những phẩm chất riêng biệt của cá nhân, vì thế các em đã phát triển những nét tiêu cực trong tính cách. Bởi vậy, cha mẹ, giáo viên và những người làm công tác giáo dục cần lưu ý điều này trong việc giáo dục đạo đức cho thiếu niên.

3.6.5. Vấn đề giáo dục thiếu niên trong xã hội hiện đại Giáo dục thiếu niên trong xã hội hiện đại là vấn đề phức tạp và khó khăn. Bởi lứa tuổi thiếu niên là giai đoạn có nhiều biến đổi quan trọng trong sự phát triển đời người cả về thể chất, mặt xã hội và mặt tâm lí. Mặt khác điều kiện sống, điều kiện giáo dục trong xã hội hiện đại cũng có những thay đổi so với xã hội truyền thống. Để giáo dục thiếu niên đạt hiệu quả, cần phải tính đến những

thuận lợi và khó khăn của lứa tuổi trong sự phát triển.

Về thuận lợi: do điều kiện sống trong xã hội được nâng cao mà hiện nay sức khoẻ của thiếu niên tốt hơn so với thiếu niên của những năm trước. Hiện tượng gia tốc phát triển ở con người thường rơi vào lứa tuổi này nên sự dậy thì đến sớm hơn và thiếu niên có một cơ thể khoẻ mạnh, sức lực dồi dào. Đây là cơ sở cho sự phát triển trí tuệ và phát triển nhân cách của thiếu niên.

Mặt khác bước vào thế kỉ XXI, do cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật, do sự bùng nổ của công nghệ tin học mà lượng thông tin, tri thức đến với các em rất phong phú. Đồng thời số con trong mỗi gia đình chỉ có ít nên cha mẹ dễ có điều kiện để chăm sóc các em (cả về thời gian, về kinh tế, đặc biệt là những điều kiện để giáo **dục toàn diện nhân cách các em**). Xã hội, nhà trường và gia đình đều rất quan tâm đến sự phát triển của trẻ em nói chung và học sinh thiếu niên nói riêng. Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã giúp cho thiếu niên có được cơ hội, điều kiện giáo dục toàn diện hơn (ngay cả với những em có hoàn cảnh khó khăn).

Về khó khăn: Do gia tốc phát triển mà sự dậy thì của thiếu niên đến sớm hơn, cơ thể các em phát triển rất mạnh mẽ nhưng mức trưởng thành về xã hội và tâm lí lại diễn ra chậm hơn. Điều này ảnh hưởng đến việc giáo dục thiếu niên. Việc dậy thì sớm cũng ảnh hưởng đến hoạt động học của các em, phần nào làm các em bị phân tán trong học tập do có những rung cảm mới, có những quan hệ mới với bạn bè.

Do nội dung học tập ngày càng mở rộng, quá tải nên thiếu niên học sinh chủ yếu bận học (học ở lớp chính khoá, học thêm ở trong và ngoài trường...), ít có những nghĩa vụ và trách nhiệm khác với gia đình. Hơn nữa ở những lớp cuối cấp (lớp 9) có thể xuất hiện thái độ phân hoá rất rõ trong học tập dẫn tới việc học lệch, tạo nên sự thiếu toàn diện trong hiểu biết, trong nhận thức của các em.

Khó khăn cơ bản của lứa tuổi này là xây dựng mối quan hệ giữa người lớn và thiếu niên.

Thiếu niên thích được hoạt động chung với các bạn trong tập thể, trong nhóm bạn nên người lớn cần tổ chức những hoạt động tập thể lành mạnh, phong phú cho các em để các em có những kinh nghiệm đạo đức đúng đắn, hiểu rõ các chuẩn mực đạo đức và thực

30

hiện nghiêm túc theo các chuẩn mực đó để các em có được sự phát triển nhân cách toàn diện. Người lớn cần tôn trọng tính tự lập của thiếu niên thiếu niên và hướng dẫn, giúp đỡ để các em xây dựng được mối quan hệ đúng mực, tích cực với người lớn và mối quan hệ trong sáng, lành mạnh với bạn bè.

CHƯƠNG 4. TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

4.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý học sinh Trung học phổ thông

Học sinh Trung học phổ thông có tuổi đời từ 16-18, học các lớp 10- 12 phổ thông. Đây là lứa tuổi được gọi bằng nhiều cái tên khác nhau: *Tuổi thanh xuân, Tuổi thanh niên mới lớn, Tuổi đầu thanh niên....*

Đây là thời kỳ có những đặc điểm khác với tuổi học sinh Trung học cơ sở và thanh niên (18-25). Những khác biệt này chủ yếu là về mặt sinh lý cơ thể, về cương vị của các em trong hoàn cảnh mới, về sự phát triển trí tuệ, nhân cách, ý thức...

Đây là lứa tuổi cần có sự giáo dục đặc biệt của người lớn, cần được chuẩn bị mọi điều kiện để bước vào cuộc sống tự lập. Do đó, muốn giáo dục tốt lứa tuổi này, ta cần phải hiểu được đặc điểm thể chất, tâm lý, nhân cách của các em.

4.1.1. Đặc điểm phát triển cơ thể

- Sau một thời kỳ phát triển căng thẳng, mất cân đối, dẫn đến sự nhảy vọt ở tuổi dậy thì, học sinh Trung học phổ thông đã bước vào thời kỳ phát triển bình thường. - Trọng lượng, chiều cao tiếp tục phát triển, tuy tốc độ có giảm. Trong điều kiện phát triển bình thường, trọng lượng cơ thể tăng 3-4 kg/năm. Các em **gái đạt được sự tăng trưởng trung bình vào khoảng 16-17 tuổi (+ 3 tháng), các em trai khoảng 17-18 tuổi (+10 tháng)**. Trọng lượng cơ thể các em trai đã đuổi kịp các em gái và tiếp tục vượt lên; sức mạnh cơ bắp tăng rất nhanh, gấp 2 lần HS TRUNG HỌC CƠ SỞ.

- Hệ thần kinh phát triển, có những thay đổi quan trọng do cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng của não phát triển. Cấu trúc tế bào não như người lớn. Số lượng dây thần kinh liên hợp tăng, liên kết các phần của não lại. Điều này tạo điều kiện cho sự phức tạp hóa hoạt động phân tích, tổng hợp của vỏ bán cầu đại não trong hoạt động nhận thức. Đa số các em đã qua thời kỳ dậy thì, có thể thực hiện chức năng làm cha, làm mẹ.

4.1.2. Điều kiện xã hội của sự phát triển

Gia đình, nhà trường và xã hội là môi trường hoạt động của học sinh Trung học phổ thông. Nhưng sự ảnh hưởng này khác với học sinh Trung học cơ sở và Tiểu học. Sự khác nhau này chính là do vị trí và vai trò của mỗi lứa tuổi trong từng môi trường có khác nhau.

Trong gia đình

Học sinh Trung học phổ thông đã có nhiều quyền hạn và trách nhiệm của người lớn:

- Được giao công việc như người lớn.
- Khi làm được tính công như người lớn.
- Được giao chăm sóc giáo dục các em nhỏ .
- Tham gia bàn bạc những công việc mà ở lứa tuổi trước các em chưa được tham gia.
- Biết quan tâm tới nhiều mặt sinh hoạt của gia đình; từ chuyện làm ăn, chitiêu đến các kế hoạch phát triển kinh tế gia đình.

Như vậy, cương vị của học sinh Trung học phổ thông trong gia đình đã được nâng lên rõ rệt hơn so với học sinh Trung học cơ sở. Các em cảm thấy trách nhiệm của mình với gia đình nhiều hơn, nặng nề hơn trước. Trái lại, sự giáo dục của cha mẹ, nếp sống của gia đình... cũng tác động trở lại đối với các em. Chính hoàn cảnh sống như vậy đã ảnh hưởng đến tâm lý học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt là tính người lớn của các em.

Ở nhà trường

Đối với lứa tuổi này, nhà trường có một vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự hình thành và phát triển tâm lý của các em, ví dụ: các hoạt động học tập, lao động, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trong tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... đều có tác dụng nâng cao tầm hiểu biết của các em về tự nhiên, xã hội, về quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân, góp phần phát triển ý thức cá nhân và ý thức xã hội của các em. Từ đó, tạo nên ở các em ý thức rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, đất nước.

Ngoài xã hội

Vị trí của học sinh Trung học phổ thông cũng có nhiều thay đổi. - Khi 18 tuổi, các em có quyền bầu cử, nghĩa vụ công dân.

- Môi trường xã hội được mở rộng, được tiếp xúc với nhiều người trưởng thành, có kinh nghiệm... Tất cả những vấn đề này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt là tâm lý chuẩn bị bước vào cuộc sống.

* *Tóm lại*, vị trí của học sinh Trung học phổ thông có tính chất “không xác định” (ở mặt này các em được coi là người lớn, mặt khác lại không). Vị trí không xác định của học sinh Trung học phổ thông là một tất yếu khách quan. Người lớn cần phải tạo các điều kiện cho việc xây dựng một phương thức sống mới phù hợp với mức độ **phát triển của các em** bằng cách khuyến khích hành động có ý thức trách nhiệm và khuyến khích sự giáo dục lẫn nhau trong tập thể.

4.2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ của học sinh Trung học phổ thông

4.2.1. Đặc điểm của hoạt động học tập

So với học sinh Trung học cơ sở, nội dung và tính chất học tập của học sinh Trung học phổ thông có sự thay đổi. Thể hiện:

- Nội dung học tập ngày một khó hơn, phức tạp hơn. Nó đòi hỏi thời gian, tâm trí, sức lực nhiều hơn.

- Thái độ học tập của học sinh cũng có sự lựa chọn hơn, hứng thú học tập có sự phân hóa sâu sắc. Các em chú ý học những môn thi vào đại học, gắn với nghề nghiệp tương lai. Vì vậy, động cơ học tập có tính thực dụng hơn (học để thi, học để có việc làm...) rồi sau đó mới đến động cơ nhận thức, động cơ xã hội.

Chính vì vậy, giáo viên cần phải làm cho học sinh hiểu được vai trò, ý nghĩa của giáo dục phổ thông đối với mỗi một ngành nghề trong xã hội, đối với sự phát triển toàn diện nhân cách cá nhân; từ đó, giúp các em khắc phục tình trạng học

lệch, học tủ.

4.2.2. Đặc điểm về sự phát triển trí tuệ

33

Lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông là giai đoạn quan trọng trong sự phát triển trí tuệ. Ở giai đoạn này, tính chủ định phát triển mạnh ở tất cả các quá trình nhận thức.

4.2.2.1. Tri giác

- Tri giác có chủ định phát triển đạt đến mức rất cao. Quan sát trở nên có mục đích, hệ thống và toàn diện hơn. Quá trình quan sát chịu sự chi phối của hệ thống tín hiệu thứ hai và tư duy trừu tượng.

- Tuy nhiên, nếu thiếu sự chỉ đạo của giáo viên, quan sát của học sinh không thể đạt kết quả cao. Vì một số em tri giác vẫn qua loa, đại khái..., rút ra kết luận vội vàng.

4.2.2.2. Trí nhớ

- Trí nhớ có chủ định chiếm ưu thế, giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động trí tuệ; đồng thời, vai trò của trí nhớ logic, trừu tượng, ý nghĩa tăng rõ rệt (các em biết sử dụng các phương pháp ghi nhớ, tóm tắt ý chính, so sánh, đối chiếu...)

- Tuy nhiên, một số em vẫn có biểu hiện nhớ đại khái, chung chung, “học vẹt”, những em này nguyên do chưa có động cơ học tập đúng đắn, chưa chịu khó suy nghĩ khi học. Vì vậy, chưa nắm chắc cách học, cách ghi nhớ tài liệu.

4.2.2.3. Tưởng tượng

So với giai đoạn Trung học cơ sở, tưởng tượng của học sinh Trung học phổ thông phát triển mạnh mẽ và có những đổi mới về chất. Thể hiện: - Nội dung của tưởng tượng phong phú trong nhiều lĩnh vực: Văn học, khoa học, nghệ thuật... .

- Những biểu tượng của tưởng tượng đã phù hợp với hiện thực hơn, mặc dù còn đượm màu sắc cảm tính. Do tưởng tượng tái tạo phát triển cao mà khi học tập, tiếp thu các bài giảng: Toán, Vật lý, Văn học... các em hiểu bài nhanh, chính xác và có thể sống với các nhân vật trong các tác phẩm văn học một cách đầy đủ hơn.

- Tưởng tượng sáng tạo cũng phát triển và giữ vai trò chủ đạo. Điều này giúp các em có thể giải các bài tập khó, đòi hỏi tính sáng tạo. Các em có thể viết văn, làm thơ, viết chuyện ...

Tuy nhiên, ở một số em tưởng tượng còn thiếu chân thực, tách rời cuộc sống. Vì vậy, các em không muốn làm những công việc “tầm thường” hàng ngày. Cũng có khi các em quá xúc cảm, nên tưởng tượng dễ bị xúc cảm chi phối.

4.2.2.4. Tư duy

Do cấu tạo và chức năng của não, đặc biệt là vỏ não phát triển như người lớn, nội dung các môn học và phương pháp dạy học nhà trường thay đổi mà tư duy của học sinh đã đạt được chất lượng mới, phát triển hơn học sinh Trung học cơ sở. Thể hiện:

- Năng lực tư duy trừu tượng phát triển, được thể hiện khi các em giải các bài toán biện luận, phải giải thích hoặc chứng minh một chân lý khoa học nhân văn nào đó.

- Năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa đã đạt đến mức phát triển cao. Khả năng phán đoán, suy luận, lập luận khi nói, viết chặt

chẽ, nhất quán và có căn cứ xác thực hơn.

- Tính phê phán và óc hoài nghi khoa học phát triển.

Do tư duy phát triển mà các em thích đọc, thích suy nghĩ, thích lý giải các vấn đề theo quan điểm riêng của mình.

Tuy vậy, hiện nay số học sinh đạt đến mức tư duy như trên còn ít. Thiếu sót cơ bản trong tư duy của các em là khả năng độc lập trong tư duy. Vấn đề này do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là từ phương pháp giảng dạy của giáo viên, ở việc dạy thêm, học thêm còn tràn lan.

4.2.2.5. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ của các em được phát triển gắn chặt với tư duy, với sự phong phú của hoạt động nhận thức và giao tiếp. Thể hiện:

- Vốn từ ngữ rất phong phú.

- Khả năng diễn tả rất chính xác các ý nghĩ, tư tưởng, tình cảm của mình và do đó việc viết cũng khá phát triển (ví dụ, khi viết văn các em viết đi viết lại nhiều lần, viết một cách chau chuốt, nhiều em làm thơ, viết văn rất hay).

- Ngôn ngữ bên trong cũng đặc biệt phát triển, làm cho các em phát biểu những điều mình nhận thức một cách độc đáo. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu về ngôn ngữ của học sinh Trung học phổ thông cho thấy, số đông các em vẫn còn viết sai, nói sai chính tả, nói tục... Vì vậy, việc giáo dục nâng cao trình độ ngôn ngữ cho học sinh là một việc rất cần thiết.

Tóm lại, những phân tích trên cho thấy ở học sinh Trung học phổ thông những đặc điểm chung của con người về mặt trí tuệ thông thường đã được hình thành và chúng vẫn tiếp tục được hoàn thiện trong quá trình học tập của các em.

4.2.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu

4.2.3.1. Sự phát triển của tự ý thức

Sự phát triển tự ý thức là nét nổi bật trong sự phát triển nhân cách của học sinh Trung học phổ thông, có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển nhân cách, tâm lý lứa tuổi. Một số đặc điểm của sự phát triển tự ý thức của học sinh Trung học phổ thông:

- Các em vẫn quan tâm đến hình dáng, vẻ mặt, quần áo của mình giống lứa tuổi Trung học cơ sở nhưng với mức độ quan tâm hơn và xúc cảm mạnh mẽ hơn về những đặc điểm bên ngoài đó. Các em coi vấn đề có ý nghĩa quan trọng là thân thể và vẻ ngoài của họ phù hợp như thế nào đối với mẫu người của “phái nam” và “phái nữ”. Ở đây, tiêu chuẩn về vẻ đẹp của bản thân và đơn giản là vẻ ngoài “được chấp **nhận thường là quá cao không thực tế**”.

- + Ở các em nam thường lo âu là vóc người không to cao (theo các em).

- + Ở các em nữ lại rung cảm một cách sâu sắc về những nhược điểm của da, trong lượng cơ thể, vóc dáng...

- Sự phát triển tự ý thức của học sinh Trung học phổ thông xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống và hoạt động, từ địa vị mới mẻ trong tập thể và quan hệ mới của các em với thế giới xung quanh... buộc các em phải ý thức được những đặc điểm nhân cách của mình, đối chiếu mình với các nhân vật mà họ cho là tấm gương, thần tượng.

- Sự hình thành tự ý thức của học sinh Trung học phổ thông là một quá trình lâu dài và phức tạp, trải qua những mức độ khác nhau, diễn ra một cách sôi nổi, mạnh mẽ. Thể hiện:

- + Các em có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những phẩm chất tâm lý của mình

theo quan điểm về mục đích cuộc sống và hoài bão của mình. Chính điều này khiến các em quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất nhân cách và năng lực riêng. Các em luôn tự hỏi: “Mình là người như thế nào?”, “Mình có thể làm được gì?”

+ Các em không chỉ đánh giá những phẩm chất, hành vi cử chỉ riêng lẻ của nhân cách mà còn biết đánh giá toàn bộ nhân cách nói chung trên cơ sở các yêu cầu, chuẩn mực đạo đức xã hội.

- Nội dung của tự ý thức cũng khá phức tạp, ở chỗ:

+ Các em không chỉ nhận thức về cái tôi của mình trong hiện tại như học sinh Trung học cơ sở, mà còn nhận thức cả về vị trí của mình trong tương lai: “Tôi cần trở thành người như thế nào? Mình cần làm gì để tốt hơn? Xã hội, cuộc sống đang đòi hỏi gì ở mình? Phải sống sao để cuộc đời có ý nghĩa?”

+ Học sinh Trung học cơ sở có thể hiểu mình ở những phẩm chất nhân cách bộc lộ rõ (lòng yêu lao động, tính cần cù, dũng cảm) nhưng ở học sinh Trung học phổ thông, các em còn có thể hiểu rõ những phẩm chất phức tạp, biểu hiện quan hệ nhiều mặt của nhân cách (tinh thần trách nhiệm, lòng tự trọng, tình cảmnghĩa vụ)

- Tuy nhiên, khi đánh giá bản thân và những người xung quanh, các em có xu hướng tự đánh giá cao nhân cách của mình, đôi khi tỏ ra tự cao, tự đại, coi thường người khác.

* Tóm lại, trách nhiệm của người lớn là phải giúp đỡ học sinh Trung học phổ thông một cách khéo léo để họ có được sự đánh giá đúng đắn về bản thân mình, tạo điều kiện tốt cho sự tự giáo dục.

4.2.3.2. Sự hình thành thế giới quan và lí tưởng

Tuổi học sinh Trung học phổ thông là tuổi sắp bước vào đời. Cuộc sống mới đặt ra trước mắt các em biết bao điều mới lạ, những niềm phấn khởi, hy vọng xen lẫn những nỗi băn khoăn, suy nghĩ: “Làm thế nào để bước vào đời một cách vững vàng? Cái gì sẽ giúp cho bản thân trên con đường đó?” Từ những thực tế ấy, đòi hỏi các em phải hình thành mạnh mẽ thế giới quan và lí tưởng của mình.

Thế giới quan của học sinh Trung học phổ thông có đặc điểm: - Nói chung phát triển ở mức cao, sâu sắc, khái quát, nhất quán và toàn vẹn.

- Tuy nhiên, trong thế giới quan của các em ít nhiều còn mâu thuẫn. Bên cạnh những tư tưởng và hành động đúng đắn vẫn còn những tư tưởng và hành động không đúng, như: không coi trọng lao **động chân tay, coi thường phụ nữ**, ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, lãng phí...

- Trong thế giới quan, học sinh Trung học phổ thông quan tâm nhiều đến những vấn đề quan hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa công hiến và hưởng thụ, giữa tình cảm và nghĩa vụ, giữa quyền lợi và trách nhiệm. Nói chung là những vấn đề thuộc về lẽ sống của con người trong xã hội. Do đó, nếu được giáo dục đúng đắn, các em có thể giải quyết được tốt những vấn đề thuộc về thế giới quan của mình.

Lí tưởng của học sinh Trung học phổ thông có đặc điểm:

- Có tính trừu tượng, khái quát, đậm nét hiện thực và lãng mạn. Hình ảnh

con người lí tưởng mà các em vươn tới mang tính trừu tượng và khái quát hơn thiếu niên.

- Song, hiện nay một số học sinh Trung học phổ thông lí tưởng còn thiếu đúng đắn. Các em còn ngại vào Đoàn, vào Đảng, sống theo lợi ích cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, sớm lệ thuộc vào vật chất, tiền bạc... Chính vì vậy, việc “Bồi dưỡng lí tưởng cách mạng cho thanh niên là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết” (Hồ Chí Minh).

4.2.3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm của học sinh Trung học phổ thông *Giao tiếp trong nhóm bạn*

Học sinh Trung học phổ thông là lứa tuổi ưa thích hoạt động tập thể nhất. Vì tập thể là nơi các em có thể thỏa mãn nhiều nhu cầu khác nhau, mà một trong những nhu cầu quan trọng là thỏa mãn vị trí của mình trong nhóm bạn bè và muốn thể hiện mình trong nhóm bạn bè, tập thể... Vì vậy, quan hệ với bạn bè lúc này chiếm một vị trí lớn hơn trong quan hệ với cha mẹ, người thân.

Sự mở rộng phạm vi giao tiếp và sự phức tạp hóa hoạt động riêng của các em khiến số lượng nhóm không chính thức của các em tăng lên rõ rệt. Việc tham gia nhiều nhóm như vậy có thể xảy ra sự xung đột về vai trò, nếu cá nhân phải lựa chọn giữa các vai trò khác nhau ở các nhóm. Ví dụ, giữa lớp trưởng và đội trưởng của đội bóng đá; giữa lớp trưởng và nhóm trưởng một nhóm bạn chưa ngoan... Vì vậy, trong công tác giáo dục cần phải chú ý tới ảnh hưởng của nhóm, hội tự phát để tránh ảnh hưởng xấu của nhóm này đến sự phát triển nhân cách học sinh Trung học phổ thông. Ở đây, tập thể lớp, tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho các em.

Đời sống tình cảm, tình bạn và tình yêu của học sinh Trung học phổ thông

Nói chung, tình cảm của các em phong phú, sâu sắc và bền vững hơn giai đoạn lứa tuổi trước. Những đặc điểm này có được một phần rất quan trọng là nó được xây dựng trên cơ sở nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn. Ví dụ, các em yêu lao động vì các em hiểu được nguồn gốc, giá trị của lao động sản xuất; các em kính yêu cha mẹ, vì các em hiểu được sự nuôi dạy vất vả của cha mẹ.

Các loại tình cảm: đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ đều phát triển mạnh mẽ. Ví dụ, tình cảm yêu nước, nhu cầu và hứng thú nhận thức, sáng tạo đang phát triển mạnh. Đây là lứa tuổi yêu cái đẹp, thích cái mới, cái lạ, thái độ thường thức được nâng cao. Các em bao giờ cũng muốn tô điểm cho cuộc sống của mình ngày càng tươi đẹp hơn. Ở tuổi này thường có sự đấu tranh mạnh mẽ **giữa các tình cảm trái ngược** nhau. Ví dụ: giữa tình yêu và tình bạn; giữa lí trí và tình cảm trong cuộc sống nội tâm.

Nói chung, tình cảm của các em phần nào đã chịu sự chi phối của lí trí và ý chí. Vì vậy, lứa tuổi này đã biết kiềm chế, che giấu tình cảm tốt hơn thiếu niên. *Tình bạn của học sinh Trung học phổ thông*

Học sinh Trung học phổ thông rất khao khát tình bạn; so với lứa tuổi trước, mức độ lựa chọn, độ bền vững và độ thân của tình bạn phát triển cao hơn, sâu sắc, phức tạp hơn. Thể hiện:

- Tình bạn theo các em phải là cái gì đó bao trùm lên hai tâm hồn, có sức cổ vũ, nâng đỡ nhau trong học tập, cuộc sống.
- Tình bạn của các em có thể bền vững cả khi xa sau
- Các em dám thẳng thắn, mạnh mẽ đấu tranh với bạn khi bạn có khuyết

điểm- Tiêu chuẩn chọn bạn của các em cao hơn thiếu niên. Tình bạn của các em được xây dựng trên hai tiêu chuẩn cơ bản:

+ Sự giúp đỡ lẫn nhau, sự trung thành với nhau.

+ Mức độ gần nhau về mặt tâm lý, đại loại đó là người “hiểu tôi”, “yêu mến tôi”, “người mà tôi có thể tâm sự được nhiều điều”.

- Tình bạn của học sinh Trung học phổ thông về bản tính có nhiều chức năng: Từ mức đơn giản là cùng nhau tiêu khiển thời gian đến câu chuyện bộc lộ tâm tình thầm kín nhất. Do đó, nó có giá trị ở chỗ, vừa là trường học tự bộc lộ, vừa là trường học hiểu người khác.

- Vì vậy, các em thích kết bạn cùng lứa tuổi (có những trường hợp ngoại lệ chẳng qua là bị bắt buộc, là bổ sung sự thiếu vắng tình bạn cùng lứa tuổi hoặc đó là hậu quả của sự phát triển tâm lý không bình thường ở trẻ); các em thích kết bạn với những người có một vài đặc điểm giống mình về: nguồn gốc xã hội, giới, lứa tuổi và giống nhau trong một số nét hành vi, nhất là hành vi sai lệch xã hội (theo Keldel Mỹ).

- Khác với học sinh nhỏ tuổi, học sinh Trung học phổ thông phân biệt nghiêm túc giữa “*bạn thân*” và “*bạn thường*” và số bạn thân thường không nhiều. - Trong tình bạn của các em cũng bộc lộ mâu thuẫn, giữa: Nhu cầu mãnh liệt về tình thân với quan niệm cho rằng hiếm có tình bạn chân chính. Chính vì vậy mà B. Zazzô (một nhà tâm lý học) đã có nhận xét rất tinh tế rằng: “*Tuổi thanh niên vừa là tuổi chân thành nhất, vừa là tuổi không chân thành nhất*”. - Tình bạn giữa nam nữ lứa tuổi này cũng có những khác biệt:

+ Ở nữ, nhu cầu về tình bạn thân nảy sinh sớm hơn nam từ 1,5-2 năm; nói chung tình bạn có màu sắc xúc cảm nhiều hơn, tiêu chuẩn tinh tế hơn, mang nhiều động cơ tâm lý hơn và không bao giờ thỏa mãn về độ thân. Thường các em gái ít có bạn cùng giới hơn các em nam, và những em gái nào có vài bạn gái thì không thích gặp cùng một lúc với tất cả các bạn mà muốn gặp riêng từng bạn một. Trong giao tiếp giữa các bạn gái, các câu chuyện sâu kín, thân tình của nữ được đề cập mạnh hơn các em nam.

+ Ở các em nam, nhóm quy chiếu quan trọng nhất vẫn là bạn cùng tuổi, cùng giới và một khi có người bạn tin cậy nhất thì **người đó vẫn là bạn cùng giới**.

Tình yêu của học sinh Trung học phổ thông

Tình bạn khác giới có thể dẫn đến tình yêu nam nữ đối với các em lứa tuổi 17-18. Đây là một loại tình cảm mới nhưng rất tự nhiên ở các em. Đây là *mối tình đầu* nên nó có đặc điểm:

- Thuần khiết và lí tưởng. Nó nảy sinh từ tấm lòng quý mến, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau.

- Trong mối tình này chứa đựng nhiều cảm xúc: e thẹn, thầm kín, dè dặt.

Thường các em yêu nhau trong tâm hồn nhiều hơn là biểu hiện ra bên ngoài. Đôi khi các em cũng không hiểu nổi tình cảm giữa mình với đối tượng là tình bạn hay tình yêu. Bởi vậy, người ta thường gọi mối tình này là “*Tình yêu đương-bạn bè*”.

- Mối tình này cũng rất phức tạp, chứa đựng cả vui sướng cả nỗi lo âu; lúc ca tụng hết lời, lúc từ chối lạnh nhạt với tình yêu; khi thuận buồm xuôi gió thì phấn khởi, khi thất bại thì

đau khổ trầm lắng (chuyện này thường hay xảy ra). Trong những hoàn cảnh này, những điều đó sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập của các em. Do vậy, học sinh Trung học phổ thông không nên quan tâm quá sớm đến tình yêu.

4.2.4. Hoạt động lao động và sự lựa chọn nghề

4.2.4.1. Hoạt động lao động của học sinh Trung học phổ thông

Hoạt động lao động có vai trò to lớn trong sự hình thành nhân cách của học sinh Trung học phổ thông. Các hoạt động lao động được tổ chức đúng đắn sẽ giúp các em hình thành tinh thần tập thể, lòng yêu lao động, tôn trọng lao động, người lao động và thành quả lao động, đặc biệt là có được nhu cầu và nguyện vọng lao động.

4.2.4.2. Sự lựa chọn nghề của học sinh Trung học phổ thông

Đến lứa tuổi này, sự lựa chọn nghề nghiệp đã trở thành công việc khẩn cấp. Càng cuối cấp học thì sự lựa chọn càng gay gắt. Các em đều hiểu rằng, cuộc sống tương lai phụ thuộc vào chỗ mình có biết lựa chọn nghề nghiệp một cách đúng đắn hay không. Dù có vô tâm đến đâu thì các em cũng phải quan tâm, suy nghĩ về việc chọn nghề. Câu hỏi: “Minh sẽ làm gì sau khi học xong cấp ba? Minh có thể làm được nghề gì? Minh nên chọn nghề gì? ...”. Tất cả những điều đó đã dẫn các em đi đến chỗ chọn nghề một cách rất cụ thể.

Những nghiên cứu tâm lí học gần đây cho thấy:

- Nhiều em đã biết chọn nghề một cách cụ thể, có căn cứ, phù hợp với sở thích, năng lực cá nhân và nhu cầu của xã hội...
- Tuy nhiên, cũng không ít trường hợp các em chọn nghề còn cảm tính, phiến diện. Đại đa số các em hướng vào các trường đại học hơn là học nghề, trung cấp...
- Những nghề mà các em hiện nay chọn là; kinh tế, quản trị kinh doanh, xây dựng... nói chung nghề có thu nhập cao.

Những điều trình bày trên cho thấy công tác hướng nghiệp cho học sinh hiện nay ở nhà trường vẫn còn nhiều thiếu sót và cần phải được quan tâm và tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới.

4.2.5. Một số vấn đề giáo dục học sinh Trung học phổ thông

Nhân cách học sinh Trung học phổ thông vẫn là nhân cách đang hình thành. Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được về trí tuệ, tình cảm, đạo đức, chúng ta thấy vẫn còn những hạn chế cần phải giáo dục như:

- Thế giới quan, như thái độ coi thường lao động chân tay, phụ nữ...
- Lí tưởng sống còn chưa rõ ràng
- Tình cảm: một số còn bông bột, chưa chín chắn...
- Ý chí: thiếu kiên định, mới chỉ thấy thuận lợi, không thấy khó khăn...
- Ý thức, tự ý thức: đánh giá mình quá cao, coi thường người khác, chưa khiêm, chưa tích cực học hỏi.

Đó là một số nhược điểm của học sinh Trung học phổ thông mà chúng ta cần phải quan tâm giáo dục.

Cụ thể là :
Về nội dung

- Trước hết cần phải bồi dưỡng lí tưởng sống, giá trị sống đúng đắn cho các em. Đây là vấn đề cơ bản, lâu dài, cấp bách hiện nay.
- Nhà trường cần phải làm tốt hơn nữa công tác hướng nghiệp cho học sinh.

Về phương pháp

- Cần chú ý xây dựng tốt mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng giữa người lớn và học sinh Trung học phổ thông, tạo điều kiện để các em phát huy được tính tích cực, sáng tạo của mình.
- Người lớn cần giúp đỡ tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội của thanh niên để các tổ chức đó thực sự là môi trường hoạt động có tác dụng giáo dục Thanh niên nói chung, học **sinh Trung học phổ thông nói riêng**.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hồ Ngọc Đại. *Tâm lí học dạy học*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000.

[2]. Nguyễn Kế Hào. *Một số vấn đề sư phạm học*, Vụ giáo viên. Bộ GD&ĐT, Hà Nội, 1993.

[3] Lê Văn Hồng (Chủ biên). *Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 1999.

[4]. Ngô Công Hoàn. *Một số vấn đề về giao tiếp SP*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 1995.

[5]. Bùi Văn Huệ. *Giáo trình tâm lí học*. NXB Đại học quốc gia, Hà Nội, 2000. [6]. Nguyễn Văn Lê. *Nghề thầy giáo*. NXBGD, 1998.

